

Khoa Sư Phạm

Văn Học Trung Quốc

Tác giả: Phùng Hoài Ngọc

Lời giới thiệu

Văn Học Trung Quốc là một nền văn học phong phú lâu đời . Ngay từ trước Công nguyên (thời cổ đại) nền văn học này đã có những thành tựu rực rỡ như Kinh Thi , Văn xuôi , Triết học , Sở từ , Sử ký ... Nền văn học đã sản sinh các danh nhân văn hoá thế giới như Khuất Nguyên , Đỗ Phủ , Quan Hán Khanh , Lỗ Tấn ..., đã có những thành tựu độc đáo như thơ Đường, tiểu thuyết cổ điển thời Minh Thanh ... Mặt khác văn học Trung Quốc (văn học cổ và trung đại) đã có quan hệ ảnh hưởng khá rộng rãi và sâu sắc tới văn học Việt Nam . Trong thời kỳ lịch sử trung đại, mối quan hệ ảnh hưởng đó tuy mang tính chất áp đặt nhưng các nhà thơ nhà văn Việt Nam với bản lĩnh vững vàng và sáng tạo, đã tiếp thu tinh hoa văn học Trung Quốc một cách chủ động , góp vào xây dựng nền văn học cổ điển của dân tộc Việt Nam . Nghiên cứu, học tập Lịch sử Văn học Trung Quốc, chúng ta có cơ hội hiểu thêm nền văn học của dân tộc ta (Lời giới thiệu giáo trình VHTQ của GS Lương Duy Thứ , GS Nguyễn Khắc Phi)

Phần Văn học Trung Quốc tuy đã được phân phối nhiều giờ hơn các nền Văn học khác ở châu Á nhưng vẫn chưa hoàn chỉnh . Vì điều kiện thiếu tài liệu hiện đại , chúng ta chỉ có thể nghiên cứu được những tác phẩm , tác giả tiêu biểu nhất trước khi Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời .

Học phần Văn Học Châu Á của chương trình Cao Đẳng Ngữ Văn 45 tiết bao gồm văn học Trung Quốc ,văn học Ấn Độ , Nhật , Kampuchia, văn học Lào và văn học Ả rập, trong đó Văn học Trung Quốc chiếm 25 tiết.

Trong chương trình Đại học Ngữ Văn , bộ môn Văn Học Trung Quốc được thiết kế thành một học phần độc lập với thời lượng 60 tiết .

Nghiên cứu học tập văn học Trung Quốc là công việc cần thiết của sinh viên ngữ văn nhằm hoàn thành bộ môn Văn học Thế giới , hỗ trợ cho bộ môn Văn Học Việt Nam và Tiếng Việt . Mặt khác tăng cường sự hiểu biết và quan hệ mới với nước láng giềng gần gũi trong hiện tại và tương lai .

Ngoài nội dung chính , chúng tôi có soạn thêm 3 phụ lục cần thiết :

"Cây gia hệ Hồng Lôu Mộng" , " Tiểu sử một số nhà thơ thời Đường " và " Bảng đối chiếu niên đại Trung Quốc - Việt Nam" để giúp sinh viên thuận tiện nghiên cứu tham khảo , tra cứu .

Chương I: Văn học trước Tần

Khái quát về văn học dân gian Trung Quốc

Nền văn học Trung Quốc là một nền văn học phong phú đặc sắc và kỳ diệu vào bậc nhất trên thế giới..

Cũng như các dân tộc khác trên thế giới , từ thời nguyên thủy, nhân dân lao động Trung Quốc đã biết nhảy múa, đàn , kịch, ca hát và làm thơ. Văn điệu trong thơ ca bắt nguồn từ lao động, có tác dụng làm cho lao động nhịp nhàng , làm cho tinh thần sảng khoái và đỡ mệt mỏi. Vì vậy những bài ca , bài thơ đầu tiên của Trung Quốc ra đời từ trong lao động. Theo Lỗ Tấn , thứ thơ ca này xuất hiện trước khi con người có ngôn ngữ.

Văn học truyền miệng Trung Hoa thời cổ đại chắc chắn rất phong phú nhưng chỉ số ít còn giữ được đến ngày nay, trong số đó có một số ghi trong sách cổ hoặc các đồ vật cổ. Tiêu biểu nhất trong kho tàng thơ ca cổ đại là tập KINH THI gồm khoảng ba trăm bài thơ giữ vị trí đặc biệt trong nền văn học và giáo dục Trung Quốc.

Thần thoại và truyền thuyết được ghi trong sách cổ cũng là văn học truyền miệng từ thời kì này - xã hội thị tộc. Việc ghi chép thường đơn giản làm giảm phần hứng thú. Sau này, đọc các bản phóng tác của nhà văn hiện đại thì câu chuyện phong phú kỳ thú hơn. Ví dụ các truyện Nữ Oa vá trời, Hậu Nghệ bắn mặt trời, Hằng Nga lộng nguyệt , Tinh Vệ lấp biển , Ngưu lang Chức nữ, vua Vũ trị thủy.v.v... Thần thoại Trung quốc tìm cách giải thích các hiện tượng tự nhiên , như mặt trời , mặt trăng mây gió đến cây cỏ , chim muông . Đặc biệt những truyện nói về nguồn gốc trái đất và muôn loài đã được hư cấu thật tài tình . Gạt bỏ những chi tiết hoang đường, chúng ta hiểu được gần đúng tình cảnh người xưa sống đời nguyên thủy , ăn hang ở lỗ , dần dần tìm ra lửa , biết đánh cá , săn muông thú , trồng trọt và chăn nuôi . Thần thoại tin rằng công lao hướng dẫn con người làm được những thành công vĩ đại ấy là do các vị thần .

Truyền thuyết thì gần gũi với con người hơn . Những nhân vật như vua Hoàng Đế, vua Nghiêu , vua Thuấn và vua Vũ được coi là nhân vật lịch sử có thật , được thêu dệt tô điểm thành huyền thoại . Đó là những vị anh hùng không hề chịu bó tay trước thiên nhiên hung dữ , khắc nghiệt luôn luôn gây tai họa cho người . Họ có sức mạnh ghê gớm để khắc phục khó khăn gian khổ hoặc tranh đấu đến chết đối với các thế lực tàn bạo.

Thần thoại và truyền thuyết Trung quốc phản ánh những niềm khát vọng của người lao động thời đó . Họ muốn giảm nhẹ công việc nặng nhọc , tăng năng suất , sống thoải mái trong tình thương yêu đồng loại.

Thần thoại truyền thuyết có ảnh hưởng rất lớn đến văn học đời sau . Khuất Nguyên, Lý Bạch hay dùng thần thoại , truyền thuyết để trang bị cho thơ của mình một không khí lãng mạn , phóng khoáng . Các nhà thơ như Lí Thương Ẩn, Đỗ Mục cũng thường nhắc đến Hằng Nga , Chức Nữ tượng trưng cho người

đẹp xa vời . Còn trong tiểu thuyết cổ như Tây Du Ký , Phong Thần Diễn Nghĩa , Liêu Trai Chí Dị , cách viết phảng phất bút pháp thần thoại truyền thuyết.

Thần thoại Trung Quốc

1. Nhóm thần tạo lập vũ trụ

" Chống màn trời , Bàn Cổ làm vũ trụ

hoá thân thành sông núi cỏ cây "

Từ một quả trứng vũ trụ trong cái khối không gian hỗn độn , đen ngòm , nở ra thần Bàn Cổ . Ngồi dậy , vớ chiếc rìu , Bàn Cổ chém vào khoảng mù mờ trước mặt, gây chấn động lớn . Những chất trong suốt , nhẹ bốc lên thành bầu trời . Nhưng chất đục , cặn, nặng lắng dần xuống thành mặt đất . Vũ trụ đã chia ra Trời và Đất .

Bàn Cổ lấy thân mình chống giữ , đầu đội trời , chân đạp đất . Khi đất và trời đã vững chắc , ổn định , Bàn Cổ ngã ra chết , thân thể và khí lực hoá thành tất cả những sự vật , hiện tượng của thế giới như sét , gió , mây , mưa , mặt trời , mặt trăng , núi non , sông hồ , các vì sao , cây cỏ hoa lá tới các loại kim thuộc đá quý...

BÀN CỔ là vị thần khai thiên lập địa (còn có tên khác : Bàn Hồ , Bàn Vương)

2. Nhóm các hoàng đế đầu tiên

Gọi là "Tam hoàng" , gồm các vua Phục Hy , Hoàng Đế và Thần Nông.

a . Phục Hy : Còn có tên Thái Hạo . Vợ là bà Nữ Oa .

Phục Hy tiếp tục công việc của Bàn Cổ là kiến tạo mặt đất (chủ yếu ở phương Đông) . Ông là nhà triết học đầu tiên của thời cổ đại Trung Hoa , đã vạch ra " bát quái " (tám quẻ) thể hiện cách nhìn thế giới :

- càn (trời)
- khôn (đất)
- khảm (nước)
- ly (lửa)
- cấn (núi non)
- chấn (sấm sét)
- tốn (gió)
- đoài (đầm , ao)

Phục Hy chế tạo cây đàn 50 dây giao cho thần Tố Nữ- thần âm nhạc ca hát biểu diễn giải trí cho các thần linh.

Phục Hy và Nữ Oa vốn là anh em ruột . Vì nạn hồng thủy , hai người cùng trú ẩn trong một quả bầu . Sau phải lấy nhau để giữ nòi giống . Người xưa gọi là ông Hồ lô và bà Hồ lô (hồ lô là quả bầu) .

Có thuyết khác cho rằng Phục Hy chính là ông Tứ Tượng (Tứ Tượng là con của Âm và Dương , gồm 4 thành tố : Thái dương , Thiếu dương , Thái âm ,

Thiếu âm) . Tứ Tượng và Nữ Oa là hai thần Đực và Cái (ở vùng Tây bắc , người Việt gọi là Ông Đùng , Bà Đà).

b. Vua Thần Nông

Thần nông là thiên đế cai quản phương nam (còn có tên là Viêm đế hoặc Xích đế - vua xứ nóng). Vị thần hình người đầu trâu , tìm ra ngũ cốc , khai sáng nghề nông . Thần Nông đặt ra chợ búa , dạy dân trồng các cây thuốc chữa bệnh . Thần đã chết vì tự nguyện ném các loại lá thuốc , rủi ro bị ngộ độc .

Thần thoại Việt Nam đã từng coi Thần Nông là thủy tổ của các vua Hùng (dòng họ Hồng Bàng). Đến nay cũng chưa có kết quả nghiên cứu nào bác bỏ hoặc thừa nhận mối quan hệ đó . Quan niệm này do người Việt lưu truyền từ trước khi nền văn hoá Hán lan tràn và áp đặt vào nước ta (Có thể công nhận nguồn gốc chung của dân tộc Việt và dân tộc Trung Quốc - gốc gác Đông Nam Á , nhưng không thể cho rằng các vua Hùng có dòng dõi Trung Hoa) .

Lại có nhiều thuyết khác về "Tam hoàng" như :

1. Thiên hoàng , Địa hoàng và Nhân hoàng
2. Thiên hoàng , Địa hoàng và Thái hoàng
3. Phục Hy , Thần Nông và Nữ Oa

3 . **Ngũ Đế gồm** : Thiệu Hạo , Chuyên Húc , Đế Cốc , Nghiêu và Thuấn .

Nhìn chung , sở dĩ có nhiều thuyết khác nhau về Tam hoàng và Ngũ Đế là do các dân tộc khác nhau ở lục địa Trung Hoa rộng lớn đều muốn xác định " thủy tổ" là người (thần) ở xứ mình.

Thần thoại Trung Quốc còn có nhiều chuyện kể về vợ , con , cháu , chất của Tam hoàng , Ngũ Đế với nhiều dị bản khác nhau . (Xin đọc thêm " Thần thoại Trung Quốc " dịch giả và biên soạn : Giáo sư Đinh Gia Khánh - Nhà xuất bản khoa học xã hội- Hà Nội -1994) .

4 . **Nhóm thần cải tạo thiên nhiên và gây dựng cuộc sống mới**

- Truyện " Khoa Phụ đuổi mặt trời , chống hạn hán , chết khát trước khi tìm ra một đầm nước .
- Truyện " Ngu Công chuyển núi Thái Hàng và núi Vương Ốc " đi chỗ khác để dễ đi lại , làm ăn . Ông ta tin rằng đời con cháu tiếp nối đào đục mãi cũng phải chuyển dời hai quả núi . Thượng Đế cảm phục ý chí của Ngu Công , cho thiên thần vác núi đặt ở chỗ khác trong một đêm .
- Truyện mối tình " Ngưu lang - Chức nữ ".Chức nữ , con cháu Tam hoàng , chuyên dệt lụa may áo cho trời . Nàng làm việc ở bờ sông Ngân hà (phía bên Trời) , còn ở bờ bên kia là cánh đồng của loài người .Bên ấy có chàng chăn trâu tên là Ngưu lang mồ côi cha mẹ . Gia tài có một con trâu , phá hoang , cày ruộng để sinh sống . Ngưu lang nghe lời trâu , rình xem Chức nữ và các nàng tiên ra tắm sông Ngân , giấu xiêm áo của Chức nữ . Chàng cầu hôn , Chức nữ e thẹn đồng tình . Chồng cày ruộng , vợ dệt lụa , sinh một con trai , một con gái . Thiên Đế và Vương Mẫu biết chuyện ,

sai thiên thần đi bắt Chức nữ về trời . Ngưu Lang gánh hai con chạy theo vợ . Thiên Đế rút dây kéo sông Ngân hà lên trời cao để chặn đường Ngưu lang . Con trâu bảo chàng lột bộ da trâu làm áo thì có thể bay lên trời . Nhờ bộ da trâu , chàng tới được bờ sông Ngân hà , bên kia đã thấy nàng Chức nữ . Chàng lấy gáo múc nước sông cho vơi cạn , ba bố con thay phiên nhau . Thiên Đế và Vương Mẫu mủi lòng , cho phép họ gặp nhau hàng năm một lần vào ngày 7 tháng 7 . Đến ngày ấy có một đàn chim ô thước (quạ đen) bắc một chiếc cầu liền cánh chim qua sông . Gặp nhau , họ mừng rỡ nhưng lại buồn vì sắp phải chia tay , nên khóc rất nhiều . Nước mắt làm thành trận mưa thu lạnh lẽo tê tái (mưa Ngâu : Ngưu). Những đêm trời quang đãng , có hai ngôi sao lớn bên bờ sông Ngân , đó là sao Ngưu lang và sao Chức nữ . Bên cạnh còn có hai ngôi sao nhỏ hơn là con trai và con gái họ .

5 . Truyện "Hậu Nghệ bắn rụng chín mặt trời"

Hằng Nga bỏ trốn lên cung nguyệt "

Thời vua Nghiêu , có 10 mặt trời xuất hiện trên bầu trời gây hạn hán khủng khiếp . Nguyên do 10 mặt trời cư ngụ ở cây khổng lồ Phù tang (quần đảo Nhật bản) , mỗi ngày theo lệnh Thượng đế , một mặt trời ra đi , vòng qua bầu trời , lần lượt thay phiên nhau đi theo một con đường cố định . Lũ mặt trời một hôm rủ nhau cùng bay qua bầu trời và cứ thế tiếp diễn mỗi ngày . Hạ giới không chịu nổi sức nóng khủng khiếp , kêu cứu lên Thiên đình , Thượng đế (vua Thuần) sai Hậu Nghệ vác cung thần đi bắn hạ 10 đứa con nghịch của trời . Hậu Nghệ xuống trần mang theo vợ là Hằng Nga (còn gọi Thường Nga). Thấy tình cảnh hạ giới thật đáng thương , Hậu Nghệ nổi giận bắn thẳng tay, lần lượt rụng chín mặt trời - xác chết hiện nguyên hình ở chín con quạ ba chân màu vàng (kim ô). Vua Thuần lo lắng, sai người lấy trộm một mũi tên của Hậu Nghệ nên một mặt trời còn sống sót. Hậu Nghệ tiếp tục đi giết những loài quái vật ở hạ giới, giúp dân lành. Vợ chồng Hậu Nghệ không dám trở về trời. Hằng Nga không chịu được cuộc sống khổ cực ở trần gian nên oán trách chồng. Tình yêu rạn nứt, Hậu Nghệ thường bỏ đi chơi và tìm đến Tây Vương Mẫu xin thuốc thần để hai vợ chồng trở thành bất tử. Đem thuốc về giao cho vợ giữ. Hằng Nga lén uống hết rồi bay về trời, nhưng nghĩ xấu hổ liền rẽ sang cung trăng ẩn náu . Hạ xuống cung trăng, nàng hoá thành con cóc vì tội phản bội chồng. Nơi đây chỉ có một con thỏ ngọc đang giã thuốc bên cây quế.

Còn có chuyện kể Hậu Nghệ dạy học trò Phùng Mông bắn cung. Khi đã thành thạo, Phùng Mông mấy lần ám hại thầy để giành ngôi vô địch nhưng đều thất bại. Hậu Nghệ tha chết cho y. Cuối cùng Phùng Mông vẫn thực hiện được tội ác. Hậu Nghệ ngã gục mà chết, được nhân dân thờ như một vị thần.

Truyện Hằng Nga còn có dị bản khác. Con thỏ ngọc giã thuốc vốn có từ truyện dân gian cổ đại Ấn Độ , nó có nhiệm vụ chế thuốc bất tử. Lại có chú Cuội là người trần gian phát hiện ra cây thuốc quý (quế) có thể chữa vật chết sống lại. Người vợ không nghe lời chồng, đá vào cây thuốc, cây bay lên trời. Cuội ôm lấy gốc cây níu lại không được. Cây bay về cung trăng đem theo chú Cuội. Mỗi đêm Cuội ngồi nhìn xuống trần gian mà thương tiếc quê hương.

6 . Truyện cha con vua Cỗn - vua Vũ ra tay trị thủy giúp dân (Vua Vũ là vua cuối cùng thời đại thị tộc nguyên thủy và mở ra xã hội nô lệ - chủ nô). Vua Vũ còn cho đúc chín chiếc đỉnh đồng to lớn coi như " quốc bảo ". Về sau, các đời vua nhà Chu và suốt thời Đông Chu liệt quốc coi 9 đỉnh đồng là tượng trưng quyền lực vua chúa.

7 . Truyện Vọng Đế (còn gọi Thục Đế : vua nước Thục)

Vọng Đế tên là Đỗ Vũ , danh hiệu Tầm Tùng - tổ sư nghề nuôi tằm. Có người nước Sở chết đuối, trôi ngược dòng tới nước Thục tên là Miết Linh. Vọng Đế cứu sống, cử y làm tể tướng vì mến tài trị thủy của y. Miết Linh lập công lớn cho nước Thục, Thục Đế nhường ngôi cho Miết Linh. Miết Linh lợi dụng tư thông với vợ Thục Đế. Đau khổ và hối hận, Thục Đế uất hận mà chết, khi trăn trối, ông dặn loài chim đỗ quỳên đời đời kêu lên thảm thiết nỗi lòng Thục Đế cho dân chúng nghe.

Lại có chuyện kể rằng, khi Miết Linh đi trị nạn lũ lụt, Thục Đế ở nhà tư thông với vợ Miết Linh. Khi Miết Linh trở về, vua Thục xấu hổ bỏ đi ở ẩn mà chết. Khi chết, linh hồn vua Thục hoá chim đỗ quỳên hót kêu hót , báo cho dân chúng thời vụ làm mùa kịp thời (²)

8 - Nhóm truyện vua Kiệt (nhà Hạ), vua Thành Thang (nhà Ân) và vua Trụ (nhà Ân - Thương) - Thần thoại chuyển sang truyền thuyết , chấm dứt thời tiền sử

- Vua Vũ nhường ngôi cho con là Khải. Khải truyền ngôi qua nhiều đời tới vua Khổng Giáp. Giáp là vua ngu, chỉ lo ăn chơi. qua hai đời nữa tới vua Kiệt, vua cuối cùng của nhà Hạ.
- Vua Kiệt hoang dâm vô độ, xây nhiều cung điện xa hoa để hưởng lạc với vợ yêu tên là Muội Hỷ, bà vợ có tật thích nghe tiếng lụa xé. Kiệt chiều chuộng vợ đủ điều. Một viên quan đại thần tên Y Doãn can ngăn vua không được, bỏ sang một nước chư hầu là nhà Ân. Vua Ân là Thành Thang đánh đổ vua Kiệt lập ra triều đại Ân Thang (Thương).
- Đến đời nhà Thương (Thang) ông vua cuối cùng là vua Trụ. Vua Trụ cũng là kẻ hoang dâm, đồi trụy và tàn nhẫn. Mặc dù vốn là tay hảo hán võ nghệ cao cường, thông minh sắc sảo , kiêu ngạo , vua Trụ cũng say đắm giai nhân là Đắc Kỷ mà mất nước. Hoang dâm và tàn bạo, Trụ mổ bụng moi gan Tỉ Can là bề tôi trung thành đã can ngăn y đừng bày nhiều trò độc ác để mua vui. Tình trạng vua Trụ lặp lại sự thất bại của vua Kiệt.

Nhà Thương là ranh giới giữa thời kỳ tiền sử chuyển sang thời kỳ lịch sử, thần thoại chính là " bộ lịch sử " của giai đoạn đầu tiên lịch sử Trung Hoa . Đến nhà Chu mới chính thức có lịch sử và nền văn học viết.

Thần thoại Trung quốc gồm nhiều truyện vụn vặt, lẻ tẻ bởi vì không có thể loại sử thi đi sau gìn giữ và gắn kết thành một hệ thống hoàn chỉnh (như Ấn Độ và Hi Lạp , sau giai đoạn thần thoại đã phát sinh thể loại Sử Thi/Anh hùng ca kết nối các chuyện thần thoại và phát triển tiếp - do đó thần thoại Hi Lạp được truyền lại đời sau trong một hình thức huy hoàng tráng lệ hơn) . Tuy vậy, Thần thoại

Trung Quốc cũng gây ảnh hưởng đến nền văn học Trung Hoa suốt hàng ngàn năm sau. Thần thoại đã biến đổi thành điển cố, điển tích và gây nguồn cảm hứng cho nhiều văn nghệ sĩ đời sau .

Kinh thi

1.Nội dung:

Kinh Thi là tập thơ đầu tiên của Trung Quốc, sáng tác trong khoảng thời gian hơn năm trăm năm, cách đây khoảng hai ngàn năm trăm năm. Đến thế kỷ 6 - trước công nguyên góp lại khoảng ba trăm bài được soạn thành tập. Về sau Khổng Tử biên soạn thành sách gọi là Kinh Thi dùng làm sách giáo khoa trong bộ Ngũ kinh. Bởi ông coi trọng việc học thơ nhằm tạo cho lời nói thêm hoa mỹ, Ông nói " Không học Kinh Thi thì không biết nói ". Thơ có thể làm cho mọi người phấn chấn, đoàn kết với nhau, , bộc lộ lòng bất mãn, phẫn uất của mình , tham khảo phong tục ". Theo truyền thuyết, lúc đầu Kinh Thi có tới ba ngàn bài, sau rơi rụng dần.

Kinh Thi gồm ba phần : Phong , Nhã và Tụng.

- Phong : Còn gọi là quốc phong, có một trăm sáu mươi bài. Đó là ca dao, dân ca của mười lăm nước nhỏ. Đó là tác phẩm của miền Bắc gồm lưu vực sông Hoàng Hà, Trường Giang, trung tâm văn hoá của Trung Quốc thời bấy giờ.
- Nhã : Gồm tiểu nhã và đại nhã, còn gọi là Nhị nhã, có một trăm lẻ năm bài. Đó là thơ ca của giới quý tộc đại phu làm trong những dịp triều hội, yến tiệc nói về quan hệ tốt đẹp giữa vua tôi và các nghi thức tiếp tân giữa chủ và khách. Nhã có nghĩa đối lập với tục, có nghĩa tao nhã, cao sang, gương mẫu.
- Tụng : Là những bài tán tụng, ca ngợi dùng lúc tế lễ thần linh, thái miếu, giống như văn tế sau này. Tụng gồm có Chu tụng , Lỗ tụng và Thương tụng (gọi là tam tụng) sáng tác ở ba nước Chu, Lỗ và Thương.

Nghiên cứu Kinh Thi, người ta phân biệt được phong tục tập quán, tình hình xã hội và khuynh hướng tư tưởng của từng vùng và từng giai tầng xã hội. Đại bộ phận Quốc phong và một phần Tiểu nhã, một phần Đại nhã có tính nhân dân và tính phê phán cao là sáng tác của người bình dân lao động. Còn Tụng và phần còn lại của Đại nhã, Tiểu nhã ca tụng giai cấp thống trị là của giới quý tộc. Có ý nghĩa nhất đối với chúng ta ngày nay là " Phong " và một số bài trong Tiểu nhã. Đó thực sự là văn học dân gian chân chính của Trung Quốc cổ đại.

Các bài ca dao, dân ca trong quốc phong (phong) là sáng tác của nhân dân lao động ca hát về công ăn việc làm của họ , qua đó ta nghe được tâm tình , cảm xúc của người nghèo khổ bị áp bức bóc lột. Họ phải làm lụng cực nhọc để nuôi bọn lãnh chúa sống giàu sang, nhàn hạ. Ví dụ như bài " Thất nguyệt " như sau :

Tháng giêng sửa soạn cày bừa, tháng hai ra đồng cày ruộng, tháng ba trồng dâu nuôi tằm, tháng tư, tháng năm đi hái trái viễn chín làm thuốc, tháng sáu hái

lê và mận, tháng bảy nấu quỳ hái đậu hái dưa, tháng tám hái bầu, chặt lau sậy, gặt hái, dệt vải, tháng chín hái mè, đàn bà may quần áo lạnh cho nhà chủ, đàn ông đập lúa, tháng mười nạp tơ, tháng mười một đi săn chồn, tháng mười hai săn thú lớn, đục băng (đá cục) cất đi cho nhà chủ ăn mùa hè cho mát.

Bài thơ còn tả những cách thức bóc lột của bọn lãnh chúa. Thỉnh thoảng chen những tiếng thở dài, giọng thơ thường kết thúc mỉa mai, cay đắng, oán trách . (Đọc thêm các bài Phạt đàn, Thạc Thử, Mộ môn)

Đề tài chiến tranh trong Kinh Thi cũng khá phong phú. Phản ánh nỗi khổ cực do chiến tranh thời Xuân Thu gây ra cho người lao động. Họ phải bỏ làng xóm, việc cày cấy và gia đình để đi tham gia các cuộc viễn chinh. Những nỗi buồn khổ của chinh phu, chinh phụ thể hiện trong các bài Đông Sơn , Thái Vi.

Cũng giống như ca dao, dân ca nước ta, Kinh Thi gồm rất nhiều bài ca tình yêu. Lời lẽ hồn nhiên thẳng thắn chất phác, mạnh dạn và tình cảm chân thành. Mở đầu Kinh Thi là bài " Quan Thư" - bài thơ tình yêu, bộc lộ những nỗi vui buồn thương nhớ, ước mong và yêu đương...Tình yêu của người bình dân hồi ấy thật trong sáng, ngây thơ. Mùa xuân trai gái vui chơi trên bờ sông hái cỏ thơm tặng nhau, tỏ tình. Con gái tỏ tình bằng cách mời anh nhảy múa. Những cuộc hò hẹn, cô gái đến trước, nấp một nơi để chứng kiến nỗi bứt rứt đau khổ của người yêu. Thơ tình yêu cũng đã lên tiếng oán trách hoặc phản đối luân lý, lễ giáo, luật lệ khắc nghiệt thời cổ đại. Từ khi yêu đương đến cuộc hôn nhân và đời sống gia đình, người phụ nữ thường bị hạn chế, chịu thiệt thòi suốt đời. Họ viết những vần thơ cảm động, ai oán.

Kinh Thi được coi là sách kinh điển của học đường, của nhà nho, nên chủ đề tình yêu nói trên bị Khổng Tử và giới nhà nho cất xén, xuyên tạc như là những tác phẩm tiêu cực, cho là dâm bôn, nguy hiểm. Họ chỉ khen ngợi một số ít bài trong đề tài tình yêu của người lao động. Còn thì chủ yếu tán tụng những bài do giới quý tộc cung đình soạn ra trong Đại nhã và Tụng).

2.Nghệ thuật kinh thi:

Có năm biện pháp nghệ thuật quen dùng trong Kinh Thi :

Phú : là nói thẳng sự việc ra, nghĩ thế nào nói thế ấy.

Tỷ : là so sánh, ví von, chẳng hạn " nhánh cỏ non " ví với bàn tay đẹp, "ngọc" ví với " người hiền tài " .v.v... " Tỷ " cũng gần giống biện pháp tượng trưng . Như bài Thạc Thử (đánh chuột) kể chuyện bọn chuột tham lam tàn nhẫn cần phải diệt chúng nhưng ta hiểu rằng đó là bọn lãnh chúa, bọn quan lại tham nhũng.

Hứng : nói sự việc này để dẫn đến sự việc khác mình muốn nói. Ví dụ tả cảnh " chim gù nhau " để nói chuyện trai gái tìm lứa đôi, nói " quả mơ rụng " để chỉ việc năm tháng trôi qua, tuổi xuân sắp hết, nói "thuyền trôi nổi giữa dòng sông " để dẫn đến chuyện mối tình dang dở. Đến ngày nay, ba cách ấy đã thông dụng. Kinh Thi là tập thơ đầu tiên của Trung Quốc đã sử dụng thành thạo nên ta phải kể đó là đặc sắc nghệ thuật của họ. Người làm thơ quả là có cái nhìn mới mẻ, óc tưởng tượng dồi dào, sự liên tưởng đột ngột rất nên thơ. Có khi cả ba biện pháp tu từ đó được dùng xen kẽ trong một bài. Như bài Quan Thư gồm năm

đoạn. Đoạn đầu có thể hứng và tỷ, đoạn hai theo thể hứng, đoạn ba theo lối phú, đoạn bốn và năm lại theo thể hứng.

Biện pháp trùng điệp trong các bài thơ Kinh Thi thường theo cách" trùng chương, điệp cú " (lặp đoạn, lặp câu). Kiểu trùng điệp ấy làm tăng tính chất trữ tình.

Kết cấu xương - hoạ . Đoạn một xương, đoạn hai hoạ, thường dùng trong các bài ca lao động tươi vui kiểu đối đáp của các cô gái hái dâu.

Nhạc điệu rất giàu có trong Kinh Thi. Có bài là dân ca, có bài là thơ được phổ nhạc. Ngày nay, phần âm nhạc đã mất đi, chỉ còn lời với tiết tấu vắn điệu của ngôn ngữ nghe vẫn êm tai, dễ nghe. Lời trong bài được chọn lọc, tinh xảo. Khi sưu tầm, lời thơ có thể được nhuận sắc (gọt sửa) cho hay hơn, dễ nhớ hơn. Do đó, về sau trong ngôn ngữ giao tiếp người ta hay chêm một câu Kinh Thi như là một dạng tục ngữ, thành ngữ hoặc trong văn học về sau người ta sử dụng Kinh Thi như là điển tích văn học. Khi dạy học trò, Khổng Tử bảo rằng " không học Kinh Thi lấy gì mà nói ".

Kinh Thi xưa nay được xem là một tác phẩm văn học cổ điển vĩ đại có ảnh hưởng rất lớn đối với nền văn học Trung Quốc. Kinh Thi còn có giá trị hiện thực cao, được coi là tác phẩm mở đầu cho văn học hiện thực Trung Quốc.

Đối với văn học Việt Nam , Kinh Thi có ảnh hưởng rõ rệt. Trước hết là do việc Khổng Tử đề cao Kinh Thi khiến một số học giả Việt Nam chú ý hơn đến ca dao, dân ca Việt Nam , có ý thức học tập ca dao, dân ca nước mình để làm cho lời nói thêm hay. Nguyễn Trãi mở đường, Nguyễn Bình Khiêm bước tiếp. Rồi đến Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Tản Đà, Nguyễn Bính ... đều là những nhà thơ đã học tập và vận dụng thành thạo " kinh thi Việt Nam " nhờ đó mà trở nên nhà thơ dân tộc. Ông cha ta đã sưu tầm và biên soạn những cuốn ca dao dân ca Việt Nam như Nam Thi quốc phong của Nguyễn Đăng Tuyển, Việt Nam phong sử của Nguyễn văn Mai, Thanh Hoa quan phong của Vương Duy Trinh. Ca dao Việt Nam của Đào Duy Anh, Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam của Vũ Ngọc Phan, Ca dao dân ca Nam Bộ của Lê Giang và Lưu Nhất Vũ.v.v...

Phần tuyển chọn

Soạn theo THI KINH TẬP TRUYỆN (Khổng Tử san định .Tập I. Dịch giả Tạ Quang Phát. Trọn bộ 3 tập. Bộ giáo dục Trung tâm học liệu Sài gòn 1969 in lần I. Lời nói đầu của dịch giả. Lời dẫn nhập của giáo sư Bửu Cầm , Khoa Việt Hán . Đ H .Văn khoa Sài gòn) . Lời tựa của Chu Hy - triết gia đời Tống :

" Thơ là cái dư âm của lời nói trong khi lòng người cảm xúc với sự vật mà nó thể hiện ra ngoài. Nhưng sự cảm xúc ấy có tà có chính, cho nên lúc được thể hiện ra lời nói cũng phải có thị, có phi ".

QUAN THƯ (Bài thứ 1 của Kinh Thi)

Quan quan thư cưu Tại
hà chi châu Yếu điệu
thục nữ Quân tử hảo
cầu

Đôi chim thư cưu hót cùng nhau , nghe quan quan
Ở trên cồn bên sông Người thực nữ u nhân Phải là
người tốt cho bậc quân tử

II

Sâm si hạnh thái Tả hữu
lưu chi Yếu điệu thực nữ
Ngộ my cầu chi Cầu chi
bất đắc Ngộ my tư bậc Du
tai! Du tai! Triền chuyển
phản trắc

Rau hạnh cọng dài cọng ngắn Phải theo dòng nước
sang phải sang trái mà hái Người phụ nữ u nhân ấy
Khi thức, khi ngủ đều cầu được nàng Nếu cầu mà
không được Thì khi thức, ngủ đều tưởng nhớ Tưởng
nhớ xa xôi thay! Tưởng nhớ xa xôi thay Vua cứ lần
qua trở lại nằm mãi không yên giấc

III

Sâm si hạnh thái Tả
hữu thể chi Yếu điệu
thục nữ Cầm sắt vĩ chi
Sâm si hạnh thái Tả
hữu mạo chi Yếu điệu
thục nữ Chung cổ lạc
chi

Rau hạnh so le không đều nhau Phải thuận theo dòng
nước sang tả, hữu mà chọn hái Người phụ nữ u nhân
ấy Phải đánh đàn cầm sắt mà thân ái nàng Rau hạnh
cọng dài cọng ngắn khác nhau Phải nấu chín mà dâng
lên hai bên Người thực nữ u nhân ấy Phải khua chuông
giống trống để nàng mừng vui

QUAN THU' (dịch thơ)

I

Quan quan kìa tiếng thư cưu
Bên cồn hót họa cùng nhau vang đầy
U nhân thực nữ thế này
Xứng cùng quân tử sánh vầy lứa duyên

II

So le rau hạnh lơ thơ
Hái theo dòng nước ven bờ đôi bên
U nhân thực nữ chính chuyên
Nhớ khi thức ngủ triền miên chẳng rời
Nếu cầu mà chẳng được người
Khi mơ khi tỉnh bồi hồi nhớ thương
Xa xôi trông nhớ đêm trường
Chiếc thân trần trọc trên giường nào yên.

III

Vấn dài rau hạnh bên sông
Kiếm tìm mà hái theo dòng đôi bên
Được người thực nữ chính chuyên
Mến nàng cầm sắt đánh lên vang dây
Bên sông rau hạnh vấn dài
Đem về nấu chín mà bày hai bên
Được người thực nữ chính chuyên
Để nàng vui thích vang rền trống chuông.

GỢI Ý TÌM HIỂU:

Chương I : Thuộc thể hứng. Tả đôi chim thư cưu (trống mái) hót với nhau. Chúng sống có đôi nhất định, không lẫn lộn đôi khác. Tình cảm với nhau rất khăng khít nhưng không lả lơi.

Người thực nữ là ám chỉ nàng Thái tự, hàng ngày ở trong trạng thái rung cảm mạnh về tình dục nhưng không để lộ - như vậy mới xứng với bậc quân vương quân tử (Vua Văn Vương).

Chương II: khi Vua Văn Vương chưa gặp được nàng Thái Tự, phải đi la cầu, tìm tòi tả hữu.

Chương III: Kể chuyện đã tìm được nàng. Vua phải thân ái săn sóc cho nàng vui và tỏ ý vui mừng không xiết.

PHẬT ĐÀN

Khảm khảm phật đàn hề! Chí chi hà chi kiên hề! Hà thủy thanh thả liên y ! Bất giá bất sắc, Hà thư hòa tam bách triều hề ? Bất thú bất liệt, Hà chiên nhĩ đình hữu huyền huyền hề? Bĩ quân tử hề! Bất tổ thuyền hề!

Dịch nghĩa:

Tiếng đồn cây đàn nghe khảm khảm Rồi đặt cây ấy ở bên bờ sông Nước sông trong và gió thổi gọn Không cây không gặt Sao lại lấy được lúa của ba trăm nhà ? Không đi săn đi bắn Sao lại thấy ở sân nhà anh có treo con chồn ? Người quân tử kia, Không hề ngồi không mà ăn.

Dịch thơ : CHẶT CÂY ĐÀN

Đồn cây đàn tiếng vang mạnh mẽ Lại để yên ở mé bờ sông Gió êm nước gọn vắt trong Nếu mà cây gặt lại không chịu làm Sau lấy lúa ba trăm nhà dâng? Nếu biếng lười săn bắn Sân sau chồn thấy treo thòng Người quân tử chẳng ngồi không ăn đàn.

(Ghi chú: Cây đàn là cây đàn - một loại cây quý. Không phải nhạc cụ)

THẠC THỪ

I . Thạc thử ! Thạc thử ! Thục ngã
thử Tam tuế quán nhữ Mạc ngã
khẳng cố Thệ tương khứ nhữ
Thích bỉ lạc thổ Lạc thổ! Lạc thổ
Viên đắc ngã sở

II -Thạc thử thạc thử Vô thực ngã hực
Tam tuế quán nhữ Mạc ngã khẳng
đức Thệ tương khứ nhữ Thích bỉ
lạc vực Lạc vực lạc vực Viên đắc
ngã trực

III

Thạc thử thạc thử Vô thực ngã mao Tam tuế quán nhữ Mạc ngã khẳng lao Thệ
tương khứ nhữ Thích bỉ lạc giao Lạc giao lạc giao

Ghi chú : Bài thơ có 3 chương. "Con chuột to" là hình ảnh tượng trưng của nhà
Vua (chúa đất). Chú ý rằng thời Kinh Thi, Trung Quốc chia ra thành ngàn nước
nhỏ. Bỏ xứ là việc dễ dàng và đó là cách tốt nhất biểu lộ phản ứng của người
dân lao động.

Dịch thơ:

ĐÁNH CHUỘT

I - Chuột to hỡi ! Chuột to hỡi! Nếp ta,
đừng ăn tới nghe mày Ba năm biết thói
lâu nay Xót thương chẳng chịu đoái hoài
đến ta Nên đành phải đi xa mày đó Đến
đất kia thật rõ yên vui Đất an lạc, đất
thảnh thơi Chốn kia thích hợp được nơi
an nhàn.

III

II - Con chuột bụi ! Này con chuột bụi !
Lúa mạch ta mày chớ ăn nhằm Thối
mày, ta hiểu ba năm Ơn ta thì chẳng để
tâm báo đền Thế ta phải xa liền mày vậy
Nước yên vui ở đây an thân Nước yên
nước có đức nhân Để ta sẽ được mọi
phần thích nghi.

Chuột to hỡi ! Chuột to kia hỡi!

Mạ ta, đừng ăn tới mảy may Ba năm ta biết thói mày Chẳng hề biết nỗi đọa đầy
của ta Nên đành phải lánh xa mày hẳn Đến một nơi phẳng lặng yên vui Nơi an
lạc, chốn thảnh thơi Vì ai ta sẽ ngậm ngùi gào than.

GIÀO ĐỒNG (Anh chàng láu lỉnh)

Kìa anh chàng bé bỏng gian ngoa Chẳng thèm trò chuyện cùng ta nữa rồi Việc
chàng đành dạ bỏ rơi Xui ta buồn khổ đứng ngồi biếng ăn. Kìa chàng bé bỏng
điều ngoa Bỏ ta lại chẳng cùng ăn nữa rồi Việc chàng đành dạ bỏ rơi Khiến ta
buồn khổ bồi hồi chẳng yên.

KHIÊN THƯỜNG

Chàng còn tưởng đến em đây Sông Trần quần vén lội ngay theo chàng Nếu
chàng chẳng nhớ chẳng trông Em theo kẻ khác, há không còn người? Hỡi chàng
bé bỏng khùng điên!

(Ghi chú: Lời người con gái đã tình đùa giỡn với người yêu)

TƯỜNG HỮU TỬ (Bức tường có dây từ leo bám)

Bức tường bị bám dây từ Không sao quét dọn mà trừ cho xong Những lời trong chốn khuê phòng Không sao mở miệng mà hồng nói ra Những điều nói được toàn là Hoang dâm như nhuốc xấu xa cho lời. Bức tường từ đã bám vào Thì không trừ khử thế nào cho xong Những lời trong chốn khuê phòng Không sao tường tận nói cùng ai hay Những điều nói rõ vào tai Toàn lời như nhuốc đồng dài lời thôi.

(Gợi ý tìm hiểu : bài thơ theo thể hứng. Hình ảnh dây từ bám vào tường gợi ta nghĩ đến tình cảm trai gái đã ăn sâu vào tâm hồn người con gái đã tình)

ĐÔNG SƠN

Bài Đông Sơn có 4 chương , mỗi chương 12 câu.

Đến Đông Sơn ta đi dẹp giặc Mà không về rõ thật lâu rồi Từ đông trở lại đến nơi (ta từ phía đông đến) Đường về lác đác mưa rơi nhọc nhằn Từ phương đông lần lần trở lại Trông về tây lòng mãi xót thương Ta may quần áo bình thường Ngậm tấm chăn bạn , chiến trường hết lo Những sâu kia chen bò lổm ngổm Cứ ở trong những cụm dâu xanh Kẽ này hieu quanh một mình Vẫn nằm dưới cổ xe binh nhọc nhằn

(Chương I thuộc thể phú, người kể chuyện là Chu Công em vua Chu Vũ Vương)

Giặc Đông Sơn ta đi đến đánh Mà không về chợt tính lâu thay Từ đông trở bước lại đây Đường về lác đác mưa rơi lạnh lùng Dưa quả lão kết thông những trái, Đất bên nhà đã thấy mọc đầy Khắp nhà bộ đất nhủi đầy Nhện thì giăng lưới ở ngay cửa vào Hẻm thì hươu bảy lâu làm lối Sáng lập lờ trong tối những giờ (con giờ) Hoang tàn như thế kinh người, Thì đánh tường nhớ để rồi về thăm. (Chương II vẫn là thể phú. 4 câu đầu nói việc đi về khó nhọc. Lòng nhớ quê da diết. Thực ra vẫn chưa về đến nhà, chỉ do tưởng tượng ra mà thôi).

Giặc Đông Sơn ta đi trừ dứt Không trở về rõ thực đã lâu Từ phương đông trở lại mau Đi về lác đác dài dẫu mưa rơi Chim sếu kêu đậu nơi gò kiến Vợ nhớ chồng buông tiếng thở than Tươi và quét, lấp lổ hang Hốt nhiên đã thấy bóng chàng đến nơi Khóm khổ qua nay thời trông lại (nguyên văn: qua khổ) Vẫn trên nhánh lật ăy nhẹ buông Từ khi vắng mặt tha hương Đến nay thấm thoát đã dẫu ba năm

(Chương III thuộc thể phú. Cảnh vợ nhớ chồng đi lính xa. Cuộc hội ngộ bất ngờ và cảm động).

Đến Đông Sơn ta đi chinh phạt Không trở về lâu thật đấy mà Từ phương đông vội tách xa Đi về lác đác mưa sa dậm dài Chim thương canh lướt bay thấp thoáng Đẹp xinh và tươi sáng sắc lông Có người con gái lấy chồng Rước dâu hai thữ ngựa bông đỏ vàng Mẹ thì giết cho nàng lưng dẫu Nghi lễ nhiều đã tới chín mươi Vui thay mới cưới những người! Vợ chồng cũ gặp, mừng thời xiết bao?

(Chương này thuộc thể phú và hứng. Loài chim thương canh bay báo hiệu mùa cưới gả. Lính trở về kẻ độc thân lo cưới hỏi cũng vui mừng như kẻ vợ chồng đoàn tụ biết nói sao cho xiết).

ĐÀO YÊU

I - Đào chi yêu yêu Kỳ hoa trần trần Chi tử vu quy Nghĩ kỹ gia thất	II - Đào chi yêu yêu Hữu phồn kỳ thực Chi tử vu qui Nghĩ kỹ gia thất	III - Đào chi yêu yêu Kỳ diệp trăm trăm Chi tử vu qui Nghĩ kì gia nhân
---	--	--

Dịch nghĩa:

I - Cây đào tơ xinh tươi Hoa nở nhiều Nàng ấy đi lấy chồng Thì ắt thuận hòa , êm ấm cảnh gia đình	II - Cây đào tơ xinh tươi Trái đã đơm nhiều Nàng ấy đi lấy chồng Thì ắt thuận hòa , êm ấm cảnh gia đình
III - Cây đào tơ xinh tươi Lá đơm xum sê Nàng ấy đi lấy chồng Thì ắt thuận hòa với người trong nhà	

Dịch thơ

Cây đào tơ thật xinh tươi Hoa đã đơm đặc dưới trời xuân trong Hôm nay nàng đã theo chồng Nên bề gia thất ấm nồng thuận vui Đào tơ mơn mớn tươi xinh Trái đã đơm đặc đầy cành khắp cây Theo chồng nàng hẳn hôm nay Âm êm hòa thuận nồng say gia đình Xinh tươi mơn mớn đào tơ Sum sê ngàn lá phát phơ đầy cành Theo chồng, nàng đã duyên thành Với người gia thất, hiền lành thuận vui.

(Ghi chú: bài thơ thuộc thể hứng. Cây đào hoa màu hồng, quả ăn được. Cây còn tơ thì nhiều hoa. Tháng hai mùa xuân đào trở hoa là mùa cưới hỏi. Cưới xin đúng mùa thì hạnh phúc ấm êm)

ĐÔNG PHƯƠNG CHI NHẬT

I - Đông phương chi nhật hề Bĩ xu
giả tử Tại ngã thất hề Tại ngã
thất hề Lý ngã tức hề

Dịch nghĩa:

I - Mặt trời phương đông Cô nàng
đẹp để kia Vào nơi nhà ta Vào
nơi nhà ta Cứ rón bước theo ta

Dịch thơ:

I - Phương đông đã thấy mặt trời Có
cô con gái xinh tươi mận mà Bồng
đâu tới ở nhà ta Bồng đâu tới ở
trong nhà chung nơi Rón theo ta
bước chẳng rời

II - Đông phương chi nguyệt hề Bĩ xu
giả tử Tại ngã thuyết hề Tại ngã
thuyết hề Lý ngã phát hề

II . Mặt trăng đã thấy ở phương đông
Cô nàng đẹp để kia Vào nơi trong
cửa của ta Cứ rón bước theo ta mà
đi không rời.

I. Mặt trăng đã thấy phương đông Có cô
con gái sắc chung đậm đà Bồng đâu
bước đến cửa nhà Bồng đâu tới ở cùng
ta cửa này Chẳng rời rón bước theo
hoài.

(Bài này thuộc thể hứng và phú , kể chuyện cô con gái bỏ nhà đi theo tình nhân).

TRUNG QUỐC HỮU THÔI

I. Ở trong hang có cây thối Lá cành trơ trụi khô rồi thế kia Có người vợ bị chia lìa Thờ than cho cảnh phân chia vợ chồng Thờ than uất ức tắc lòng Gặp người phải bước khốn cùng gian nan II. Có cây thối ở trong hang Lá cành trơ trụi khô tàn còn chi Có người vợ đã chia li Thờ dài chếp miệng chỉ đành Gặp người chẳng phải hiền lành thủy chung III. Trong hang có cây thối Tuy trong chỗ ướt, mà coi khô tàn Có người vợ bị lìa tan Rưng rưng nước mắt, khôn ngăn khóc thầm Rưng rưng giọt lệ ướt đầm Ôi thối há biết sẽ làm ra sao?

{Bài thơ thuộc thể hứng. Người vợ bị chồng ruồng bỏ. Chỉ biết khóc thầm, hẳn là người phụ nữ trung hậu}

Lời bình: Những bài ca về hôn nhân, gia đình hạnh phúc cũng phản ánh quốc gia thịnh trị. Còn những cảnh gia đình tan vỡ là vì chính sự hà khắc, đói kém hoặc chiến tranh loạn lạc.

HOÀNG ĐIỀU(Chim hoàng ly)

Ca dao nước Tần

Giới thiệu : Khi hôn mê sắp chết, vua Tần Mục Công bảo con trai là Tần Khang Công hãy chôn theo mình 177 người sống. Ba người con dòng họ Tử Xa cũng bị đưa vào danh sách. Bài ca dao tả nỗi sợ hãi đau đớn của ba chàng Yêm Túc, Kiều Hổ và Trọng Hàng, lên án vua Tần độc ác.

I. Chim hoàng ly bay qua bay lại Đâu cùng nhau trên mây cánh gai Chết theo Tần Mục là ai? Tử Xa Yêm Túc, chàng trai nước Tần Yêm Túc này đem thân chôn sống Trong trăm người anh dũng trọi cao Vừa kề bên huyết bước vào Dáng người thiếu nảo ưu sầu hoảng kinh Vút tầng cao trời xanh kia hỡi Nỡ giết người hiền giỏi nước ta Nếu cùng chuộc được chàng ra Trăm thân đổi mạng ai mà tiếc đâu ! II. Cứ lại qua hoàng ly bay mãi Rồi cùng nhau đâu lại cánh dâu Chết theo Tần Mục ai nào? Trọng Hàng họ Tử Xa sao chết đành? Đây Trọng Hàng đem mình chôn sống Bạc tài cao một chống trăm người Huyết mờ vừa bước tới nơi Thì chàng phút đã rụng rời xiết bao! Vút tầng mây trời cao xanh ngắt Nỡ giết người giỏi nhất nước này

Nếu cùng chuộc được chàng ngay Trăm thân đổi mạng ai rày tiếc chi
III. Chim hoàng ly lại qua bay lướt Bụi sở kia lần lượt đâu cùng Ai cam chết với Mục Công? Tử Xa Kiều Hổ người trong nước Tần Chàng Kiều Hổ đem thân chôn sống Bạc tài cao, một chống hàng trăm Bước đi lần đến huyết hãm Thì chàng phút đã kinh tâm hãi hùng Trời vút cao một vùng xanh biếc

Người tài mà nỡ giết sao đành? Nếu cùng chuộc được mạng chàng Trăm thân xin đổi, còn màng tiếc chi.

TƯƠNG TRỌNG TỬ

(Dân ca Trịnh)

Chàng ơi chớ lên vào đây Chớ leo mà gãy cành cây trong vườn Tình chàng đâu dám không thương Nhưng lời cha mẹ xem thường được đâu Tình chàng em vẫn ghi sâu Lời cha mẹ dặn em đâu dám nhờn ...

THÁC HỀ

I. Cây khô hỡi! Cây khô kia hỡi! Gió từng luồng sẽ thổi vào người Nay chàng Thúc-bá kia ơi Hễ chàng khởi xướng, em thời họa ngay II. Cây khô hỡi! Cây khô sắp rụng Gió từng luồng thổi đúng vào người Nay chàng Thúc bá kia ơi Hễ chàng khởi xướng, thì tôi tán thành
{Bài thơ theo thể hứng. Trong cuộc vui chơi, cô gái đã tình gợi ý cho người anh thúc bá mời mình ca hát nhảy múa}.

BÁCH CHU (Thuyền gỗ bách)- dân ca Dung

I. Chiếc thuyền gỗ bách lên đèn Giữa dòng sông nọ, mặc tình nổi trôi
Trái đào để tóc rủ đôi Thật thì người ấy với tôi là chồng Đã thề đến chết một lòng
Mẹ tôi ớn nặng sánh cùng trời cao Há không tin được lòng sao?
{Nàng Cung Khương nước Vệ góa chồng sớm, cha mẹ bắt nàng về gả chồng.
Nàng làm bài thơ này để chống lại}.

THÁI CÁT (Dân ca Vương)

I. Bể thái cát hề (I) Nhất nhật bất kiến Như tam nguyệt hề II. Bể thái tiêu hề
Nhất nhật bất kiến Như tam thu hề III. Bể thái ngải hề Nhất nhật bất kiến
Như tam tuế hề
Dịch Thơ:

I. Kia người hái sắn hái đay Trông nhau không thấy một ngày tương tư Lâu như ba tháng đợi chờ II. Cô tiêu đi hái kìa ai Xa nhau chẳng gặp một ngày đợi trông Bằng ba mùa đã chất chồng. III. Ra đi hái ngải kìa người Một ngày chẳng gặp nhau thời dài ghê Như ba năm tròn não nề . . . (3)

TRẮC HỘ (Dân ca Ngụy)

Dịch Thơ: Nỗi lòng con nhớ cha I. Ta hãy trèo lên trên non hộ
Đứng trông về hướng đó nhớ cha Cha than: quân dịch con ta
Sớm hôm chẳng nghỉ, xót xa tâm tình Cha mong con giữ
mình cẩn thận Hòng trở về, chớ hấn biệt tăm
(Đứa con có hiếu đi quân dịch ở xa, nhớ cha mẹ, leo lên núi ngóng hướng nhà mà tưởng tượng về cha).

II. Lên núi chỉ là nơi dậm cỏ Nhớ mẹ nên đứng ngó lạng nhìn Mẹ than: quân dịch út mình Sớm hôm chẳng nghỉ, nỗi tình đáng thương Mẹ mong con nhớ
thường cẩn thận Hòng trở về, chớ hấn bỏ thầy.
(Đứa con trai út nhớ về mẹ, biết mẹ thương mình là út hơn hết)

III. Lưng núi kia, ta lên trên ấy Tưởng nhớ anh, đứng đây trông xa Anh than: quân dịch em ta Sớm hôm cùng bọn, xót xa nỗi tình Mong em hãy
giữ mình cẩn thận Hòng trở về, chớ hấn chết đi.
(Người em trai tưởng tượng anh trai mình leo lên núi ngóng em và mong em sống sót trở về).

BỜ AO

(tình yêu đơn phương của một cô gái)

1- Bờ ao nhà chàng biếc cói, thơm sen người tuần tú thương nhớ thăm ngủ không yên triền miên	2- Bờ ao nhà chàng Có biếc cói, thơm lan chàng vạm vỡ Thức loăn xoăn Lệ đầm không yên trong tim	3 - Bờ ao nhà chàng Nhớ Cói vàng, sen nở Mái tóc chàng vạm vỡ Thức ngủ Nghe nhói Thức ngủ không yên gối mềm trần trở.
---	--	---

Khuất Nguyên và tập thơ LiTaoi

Khuất Nguyên (tên là Bình) sinh năm 340. tr.CN trong một gia đình quý tộc có họ xa với vua nước Sở. Đọc thơ ông , chúng ta có thể nghĩ rằng ông là một quý tộc suy tàn. Ông là người thông minh, uyên bác. Vì thế được Sở Hoài Vương bổ nhiệm làm chức " tả đồ " lúc hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi (tả đồ xếp dưới thừa tướng một bậc . Ông tham gia việc nước: làm pháp luật, đi sứ, tức là toàn bộ công việc nội vụ và ngoại giao. Ông thi hành hai chính sách lớn. Đối nội là biến pháp, nội dung chủ yếu là hạn chế đặc quyền của giai cấp quý tộc, bảo vệ lợi ích của người có ruộng, nhằm khuyến khích sản xuất để cho dân giàu nước mạnh. Đối ngoại là : chính sách liên minh với Tề chống Tần . Đó là một chính sách sáng suốt. Lúc đó Sở và Tần là hai nước mạnh nhất, đều muốn vươn lên giữ ngôi bá chủ. Ông chủ trương liên kết với năm nước kia là Tề, Ngụy, Hàn, Triệu, Yên , trước hết với nước mạnh nhất trong số đó là Tề. Khuất Nguyên đi sứ sang Tề. Liên minh Tề - Sở được ký kết.

Nhưng Khuất Nguyên chỉ giữ chức Tả Đồ được ba năm. Trong triều đình có tên Thượng Quan đại phu ghen ghét và có ý tranh quyền với ông nên tìm cách gièm pha hãm hại. Bởi nghe lời Thượng Quan, Vua nổi giận không tin dùng nữa, chỉ cho ông giữ chức Tam lư đại phu trông coi việc tế lễ.

Từ khi ông thôi không tham chính thì nền chính trị nước Sở ngày càng rối loạn. Chính sách " biến pháp " thất bại. Sở càng suy yếu. Nước Tần tìm cách li gián Tề và Sở. Vua Tần chủ trương lôi kéo vua Sở. Vua Sở nghe lời, liền bị các nước kéo quân đánh. Sở đại bại, thiệt hại nhiều tướng sĩ. Năm 305 tr-CN, Sở bội ước với Tề và giao kết với Tần. Khuất Nguyên can gián, Vua không nghe, lại còn đẩy ông lên phía Bắc. Các nước lần lượt kéo quân đánh Sở. Vua Tần mời Sở Hoài Vương sang dự hội kiến ở đất Tần. Khuất Nguyên can ngăn vua không được. Vua Sở bị Tần lừa, bắt giam ba năm và chết ở đất Tần. Con vua lên ngôi là Sở Tương Vương, tiếp tục kết thân với Tần và cưới con gái vua Tần làm Hoàng Hậu. Các tên quan Tể Lan, Thượng Quan... tiếp tục gièm pha ông, vu cho thơ của ông chỉ trích triều đình. Vua nổi giận trục xuất ông đến miền Giang Nam. Khuất nguyên ở đó được chín năm . Tướng Tần đem quân đánh Sở và chiếm được kinh đô. Khuất Nguyên nghe tin, đau khổ tuyệt vọng, nhảy xuống sông Mịch La tự vận. Đó là ngày 5 tháng 5 năm 278 tr.CN. Ông thọ 62 tuổi.

Khuất Nguyên một nhà chính trị đồng thời là một nhà thơ. Tác phẩm của ông có nhiều , hiện còn 25 cuốn. Tiêu biểu là " Sở Từ ". Sở Từ là tên chung một tập thơ

gồm nhiều tác giả nhưng trong đó tác phẩm của ông giữ địa vị chủ yếu cả về số lượng và chất lượng.

Thơ của Khuất Nguyên phản ánh tấn bi kịch cuộc đời ông. Trước hết là bi kịch của một nhà chính trị sáng suốt mong muốn cho nước nhà giàu mạnh để thống nhất Trung Quốc theo yêu cầu của thời đại, nhưng không được nhà vua trọng dụng. Hai chính sách lớn của ông hoàn toàn nhằm mục đích đó, không có chút tính toán cá nhân nào.

Nhưng Khuất Nguyên gặp phải những ông vua tồi, nhẹ dạ hám danh, trước sau bất nhất, bỏ ông không dùng. Lại còn một bọn quan lại xa hoa, xấu xa dâm dật gièm pha hãm hại. Do đó, Vua Sở đi từ thất bại này đến thất bại khác.

Khuất Nguyên buồn tủi, căm giận và cái chết của ông chính là hành động vì nước vì dân.

Bi kịch của Khuất Nguyên còn là bi kịch của một người trong sạch, đạo cao đức trọng phải sống giữa những kẻ tầm thường đầy dục vọng cá nhân và không tránh khỏi bị bọn này hãm hại. Ông như bông sen nở giữa bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Thơ ông thường nói đến hoa thơm, cỏ lạ để bộc lộ tâm hồn mình. Bài thơ " Quất tụng " ca ngợi cây quất (quít, hạnh) tượng trưng cho tiết tháo của người chính trực. Năm tàn tiết muộn mà lá vẫn tươi, hoa vẫn trắng, cành vẫn sum sê, gai vẫn nhọn quả vẫn tròn. Ca tụng cây quất là khẳng định phẩm chất kiên cường của mình vậy.

Bi kịch của Khuất Nguyên là bi kịch của con người trí thức giàu sang không thể quyến rũ, nghèo đói không thể lung lay, uy quyền vũ lực không thể khuất phục. Nhưng vấp phải bọn tiểu nhân xấu xa, đời bại nắm vận mệnh quốc gia. Những bi kịch kéo dài gần nửa đời người, khi được tin dùng khi bị bỏ rơi với hai lần bị đày ải. Đời ông chỉ đặc chí được ba năm khi giữ chức Tả Đồ. Còn lại là những năm tháng u uất, buồn tủi, đau thương, từ năm ba mươi tuổi đến khi mất. Nhưng ông không chút hối hận. Ông chọn cái chết làm gương cho người đời soi chung.

" Li Tao " là bài thơ dài nhất của Khuất Nguyên, gồm 373 câu và là tác phẩm tiêu biểu nhất, trong đó ông trình bày lý tưởng ông theo đuổi, thổ lộ nỗi phẫn uất trước hiện thực đen tối của xã hội, nêu cao tinh thần đấu tranh bất khuất, bộc lộ lòng yêu nước, thương dân nồng nàn của mình và ý chí thà chết chứ không chịu sống hèn, sống đục.

Nhà văn - sử học Tư Mã Thiên đời Hán giải thích " Li tao là li ưu, tao là lo, lo buồn trong chia li "... Một nhà viết sử đời Hán khác - Ban Cố, lại giải thích " Li là gặp phải, tao là lo âu. Nhà thơ gặp phải điều lo âu mà viết ra những vần thơ này ". Hai cách giải thích khác nhau nhưng thống nhất rằng nhà thơ đã bày tỏ nguyên nhân khiến cho mình lo âu với những lời đau buồn, ai oán sâu sắc trong những ngày phải sống kiếp lưu đày ở phương xa.

"Li tao " là một bài thơ trữ tình thương cảm, lâm li. Đó là bài thơ của nhà chính trị nhưng chất thơ rất đậm, Kết hợp trữ tình và tự sự, kết hợp tính lãng mạn và tính hiện thực. Thủ pháp nghệ thuật chính là nói bằng hình tượng, cụ thể hơn,

ông thường dùng lối ẩn dụ, tượng trưng. Ông tả các thứ hoa thơm cỏ lạ ở nơi núi cao, vực thẳm để tượng trưng cho những phẩm chất tốt đẹp. Khi ông nói việc đeo hoa vào người làm đồ trang sức là nói tự mình trau dồi trong sạch, thanh cao. Ông cũng dùng thần thoại truyền thuyết để tả cảnh núi non, sông nước, mây gió trăng sao làm cho ý thơ càng thêm bao la bát ngát. "li tao" viết theo thể từ - dân ca nước Sở, thường dùng ngôn ngữ nước Sở đó là tính chất dân tộc đậm đà của thơ ông.

Lòng yêu nước và tình thương dân ở Khuất Nguyên gắn bó với nhau thật là mật thiết. Phong tục ở vùng Giang Nam chứng tỏ tình cảm của nhân dân đối với nhà thơ thật là sâu sắc. Theo truyền thuyết, Tết Đoan ngọ (mùng 5 tháng 5 âm lịch) là tết của Rồng. Ngày đó, dân làng chài tổ chức đua thuyền, rồi gói bánh chưng thả xuống nước để cúng Rồng. Nhưng từ sau ngày 5 tháng 5 năm 278 tr. CN, ngày Khuất Nguyên trầm mình xuống sông Mịch La thì Tết Đoan ngọ có thêm ý nghĩa mới. Tết đó được dành cho ông, người đã hi sinh đời mình cho Tổ Quốc, cho Nhân dân. Người ta giải thích phong tục như sau: thả bánh chưng xuống nước để nhử cá khổi rửa thể xác nhà thơ, đua thuyền nhanh để cứu vớt ông lên. Trong thơ, ông trách giận Sở Hoài Vương:

Tình ta mình chẳng xét cùng Nghe lời ton hót đem lòng giận ta (...) Trách mình chẳng suy sau xét trước Mãi mà không rõ được thói đời Chúng ghen ta có mày ngài Phao cho ta tiếng con người lằng lơ. "Mình" ở đây là chỉ Sở Hoài Vương. Còn bọn tham quan xu nịnh độc ác, ông vạch tội chúng: Chúng chen chúc trên đường vụ lợi Tăm lòng tham, tham mãi tham hoài Đem dạ mình đo bụng người Sinh tình ghen ghét, đặt lời gièm pha Mồi phú quý cổ mà đeo đuổi Phải lòng ta có vội thế đâu ... Lan, ta tưởng đáng nơi tin cậy Có ngờ đâu bóng bầy mà hư Theo đòi, bỏ vẻ đẹp xưa Đua đòi cầu thả cũng như mọi loài Tiêu, bỏ dờn nịnh đời ra mặt Túi thuốc trừ nhét chặt phù du Đem thân cầu cạnh bên xu Còn đâu giữ được thơm tho tính trời.

(Tử Lan - hoàng tử, Tử Tiên, Trịnh Tự, Cận Thượng là bọn tham quan).

Theo ông, sống phải có lý tưởng, lý tưởng phải cao cả. Lại phải biết đấu tranh cho lý tưởng, thất bại không nản lòng. Đó là nhân cách Khuất Nguyên mà hai ngàn năm nay người đời không ngớt lời ca tụng.

Muốn kiên trì lý tưởng, ông thấy rằng phải trau dồi phẩm chất đạo đức, càng phải tự hào về mình, không thể thấy người vụ lợi xu nịnh thì mình cũng vụ lợi xu nịnh theo. Thơ Li Tao nhắc đi nhắc lại ý chí đó.

Khi còn tại chức, ông trau dồi đạo đức để làm tròn nhiệm vụ. Khi bị giáng chức, lưu đày, ông vẫn giữ vững đạo đức.

Chống lại mọi sự quyến rũ, ông còn phải chống lại mọi lời khuyên xằng bậy, kể cả của người thân. Chị gái ông là Nữ Tu khuyên ông nên sống theo thời, như mọi người, không nên "bướng bỉnh":

Sao em thích khoe khoang chải chuốt Riêng một mình giữ một vẻ xinh Đây nhà đây nợ cỏ tranh Người ta mặc cả mà mình lại không?

Để trả lời chị, ông trình bày lại lý tưởng của mình, nhưng ông rất buồn, vì

đến người thân thích nhất cũng chẳng hiểu mình.

Người đời không tán thành, thì ông đi tìm bạn tri kỷ trong tưởng tượng. Nhà thơ cười rỗng, giống phượng đi khắp nơi tìm bạn :

Quản bao nước thăm non xa Để ta tìm kiếm cho ra bạn lòng.

Nhà thơ cười ngựa ra đi, cho ngựa uống nước ở nơi mặt trời tắm , rồi đi khắp nơi trong tưởng tượng. Thi hào Nguyễn Du đã viết về ông bằng hai câu sau :

Trong thiên hạ ai người thương kẻ tỉnh một mình? Khắp bốn phương trời, không có nơi nào gọi tấm lòng cô trung

Trước mắt ông có một sức quyến rũ , hấp dẫn : bỏ nước Sở mà đi sang nước khác, ở đó có kẻ trọng dụng tài năng của ông . Nhiều người khuyên ông nên bỏ đi. Nhưng ông là người nước Sở, ông yêu quý nước Sở của mình. Cuối cùng, chỉ còn cái chết, chết vì nước, ông chọn đứng vào lúc kẻ thù chiếm được kinh đô nước Sở. Cái chết của nhà thơ Khuất Nguyên là bi kịch không tránh khỏi của một nhà yêu nước chân chính sống trong một triều đình phong kiến mục nát, của con người trung nghĩa biết hi sinh vì chính nghĩa .

Khuất Nguyên là nhà thơ đầu tiên của Trung Quốc mà tên tuổi của ông vượt khỏi phạm vi quốc gia trở thành danh nhân nhân loại. Năm 1952 , Hội đồng hoà bình thế giới đã công nhận ông là danh nhân văn hoá thế giới.

Tất cả những ai đấu tranh cho tổ quốc, cho chính nghĩa mà thất bại hoặc bị bọn gian thần gièm pha hãm hại đều xem ông là tri kỷ và tìm thấy nguồn sức mạnh ở tấm gương Khuất Nguyên. Nhiều nhà thơ đời sau làm thơ đã lấy cảm hứng từ cuộc đời ông, với những bài như " Điều Khuất Nguyên ", " Vịnh Khuất Nguyên ", " Nhớ Khuất Bình "... Từ Lý Bạch đến Đỗ Phủ, từ Lỗ Tấn đến Quách Mạt Nhược đã viết những dòng thơ cảm khái và hùng hồn noi theo gương ông.

Ai cũng nhớ bài thơ " Ngự phủ " của Khuất Nguyên với hai câu được coi như phương châm xử thế :

" Đời đều tục cả, một mình ta trong Mọi người đều say, một mình ta tỉnh "
Khuất Nguyên cũng có ảnh hưởng khá sâu đậm đến các nhà thơ cổ điển Việt Nam . Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát , mỗi người mỗi cảnh ngộ đều có nỗi oan ức cần bộc bạch, thì đều làm thơ vịnh nhớ Khuất Nguyên. Nhiều nhất là Nguyễn Du, có tới bảy bài. Tống Ngọc học trò Khuất Nguyên viết bài từ " chiêu hồn " gọi hồn thầy trở về vui hưởng thái bình. Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc, lại viết bài " Phản chiêu hồn " để ngụ ý lên án xã hội phong kiến Việt Nam .

Đúng như Lưu Hiệp, nhà phê bình, lí luận văn học Trung Quốc, đã viết một câu sáng suốt : " Những nhà văn hậu thế có tài đều hấp thu nội dung tư tưởng của thơ ông, mà những nhà văn bình thường cũng nhặt nhạnh được lời văn đẹp đẽ " (Sách Văn tâm điều long của Lưu Hiệp)

Bách Gia Chư Tử

1. TÂN VĂN LỊCH SỬ

Tả Truyện cũng là cuốn sử , có thể của Tả Khâu Minh , sử quan nước Lỗ , cùng thời với Khổng Tử , nội dung trùng với Xuân Thu , thiên về nghệ thuật kể truyện .

Chiến Quốc Sách do nhiều sử gia Chiến Quốc soạn , về sau Lưu Hưởng đời Hán biên soạn lại - nội dung là mưu kế , sách lược của thuyết khách dâng vua chúa đương thời . (chép việc từ đầu Chiến quốc đến khi 6 nước bị diệt vong , nhà Tần lên ngôi (truyện Mạnh Thường Quân nước Tề , Kinh Kha nước Triệu ... - xem lại ở Đông Chu liệt quốc của Phùng mộng Long)

Kinh Xuân Thu do Khổng Tử soạn (xem phần dưới)

2. TÂN VĂN TRIẾT LÍ

(thực ra gọi là : trước tác khoa học xã hội - nhân văn)

Xuân Thu - Chiến Quốc là thời kì " trăm hoa đua nở trăm nhà đua tiếng " (bách gia tranh minh) nên có nhiều tư tưởng triết học khác nhau , tiến bộ , bảo thủ và chiết trung . Sự đua tiếng thúc đẩy tiến bộ . Mục tiêu là hướng tới chấm dứt phân tranh phân tán tiến tới thống nhất đất nước , dân hưởng bình yên . Nổi lên có ba phái lớn : Nho gia , Lão Trang và Mặc gia . Ba công trình tiêu biểu là Trang Tử , Luận ngữ (Khổng Tử) và Mạnh Tử trong số trước tác của Lục Gia (6 trường phái tiêu biểu nhất) .

2.1. Dương Tử (Dương Chu):

Thuyết " vị ngã (vì bản thân) giữ được thân thì còn tất cả

(Kiêu : còn thân ắt sẽ đền bồi có khi) .Coi trọng đời sống tự nhiên của người . Coi dục vọng của người là chính đáng cần được thỏa mãn . Chống lại mệnh và lễ . Khai mở cho Lão Tử và Trang Tử sau này .

2.2 Lão Tử : sáng lập Đạo gia , Lão giáo hay đạo Hoàng Lão là những cách gọi khác nhau của một học thuyết.(Khác với đạo giáo là phù thuật mê tín của Cát Hồng thời Tam Quốc) Còn Đạo gia tức là Lão Trang là một học thuyết triết học nghiêm túc. Sách sử ký của Tư Mã Thiên (đời Hán) chép rằng Lão Tử là người nước Sở, họ Lý tên Nhĩ tự Bá Dương, thụy là Đam, đã từng giữ một chức quan nhà Chu. Các giả thuyết khác nhau cho rằng ông thọ được 81 tuổi, 160 tuổi, 200 tuổi, 250 tuổi vv...

Lão Tử sống cùng thời với Khổng Tử, có thể lớn hơn Khổng Tử 20 tuổi. Sinh trong thời loạn, thấy cảnh thiên hạ đua nhau đổ xô vào sự nghiệp mưu bá đồ vương, kiếm chác lợi danh mà bỏ hết luân thường đạo lý, Lão Tử chán nản bỏ quan.

Lão Tử đem hết kiến thức mà thuyết phục cho nhiều người quen biết nhưng chỉ ít người theo nên ông đi ẩn dật và mất ở đâu không ai biết.

Ông để lại vẹn vẹn một tập sách nhan đề là Đạo Đức Kinh , Nội dung có 81 chương chia làm hai thiên hơn năm ngàn lời nói. Do nghĩa lý cao siêu, khó hiểu nên đời sau các đạo sĩ chú thích nhiều không kể xiết.

Vũ trụ quan Lão Tử :

Lão Tử cho đạo là một nguyên lý tuyệt đối. Vạn vật bắt đầu đều là khí hư vô, nó sinh ra tính chất rồi mới sinh ra hình thù, màu sắc, nó là nguồn sinh hoá của vạn vật. Thực ra Đạo không hình không tiếng nhưng ở khắp mọi nơi. Đạo rất nhiệm màu và không có cách gọi tên nào khác.

Từ đó ông chủ trương cái gì cũng nên để cho nó tồn tại một cách tự nhiên, như vậy rất công bằng không thiên vị ai. Do có làm (hữu vi) nên sinh ra cạnh tranh, thất bại, mất mát, đau khổ. Có nghĩa ông chủ trương vô vi. Nhưng Vô vi là một cách tương đối. Ông nói "làm lúc việc chưa xảy ra, trị nước lúc chưa có loạn". Như vậy là ông chủ trương vô vi thanh tĩnh, không quá bi quan yếm thế như Trang Tử sau này. Đối với cuộc đời, ông vẫn có chí phụng sự, nhưng phụng sự với tính chất nhu nhược, mềm dẻo như là "tính nước" không lìa bỏ đời khi đời còn cần mình, nhưng khi công đã thành, danh đã toại, thì nên lui về ẩn dật (công thành thân thoái, thiên chi đạo) đó là đạo Trời.

Khi người ta đã lui về ẩn dật, thì ông dạy rằng phải biết phép dưỡng sinh, nghĩa là làm cho mình trở nên cực kỳ trống rỗng, hết lo lắng, ham muốn, giữ cho tâm hồn phẳng lặng yên tĩnh để trông rõ sự huyền diệu của thiên nhiên. Muốn thế phải tăng cường sinh lực nhưng không để nó hao phí.

Chính trị và luân lý

1. Thuyết chính trị của Lão Tử vẫn là thuyết Vô vi.

" Không trọng người hiền thì dân khỏi ganh ghét

Không chuộng vật quý thì khỏi sinh trộm cướp

Không ham muốn vật gì để dân khỏi sinh loạn ".

1. Về luân lý đạo đức.

Lão Tử quý trọng nhất là Đạo sau mới đến Đức, Nhân, Nghĩa và sau cùng là Lễ.

Ông không ưa thứ đạo đức giả dối. Hãy để con người sống cho tự nhiên, rồi sau tự nhiên sẽ sinh đủ Đạo, Đức, Nhân Nghĩa, Lễ. Ngài viết "Đạo lớn bị bỏ mới có nhân, nghĩa, sáu "thân" không hoà mới có hiếu để (sáu thân : cha, mẹ, vợ, chồng, anh, em). Nhà nước loạn ly mới sinh tội trung, không đủ tin nhau mới có chữ Tín ...)

Ngoài Đạo ra ông không tin có gì lớn hơn, kể cả trời hay thượng đế. Ông cũng không thừa nhận.

Ông cũng ít bàn đến quỷ thần. Ông cho rằng ma quỷ cũng chẳng làm được gì ngoài lẽ tự nhiên.

Trong thực tiễn xã hội thời cổ đại, chủ nghĩa nhân văn của Đạo Khổng không làm thoả mãn người Trung Hoa. Bởi tâm hồn con người có chỗ thâm thúy mà Đạo Khổng chưa đạt tới. Đạo Khổng căn bản là "đại khẳng định", còn Đạo Lão là "Đại phủ định". Người ta nói Đạo Khổng là triết học thành thị, còn Lão Tử là

triết học đồng ruộng. Vả lại, Đạo Khổng nghiêm trang quá, cận nhân tình quá, không bốc đồng lãng mạn, ảo tưởng, ngây thơ. Một dân tộc, một con người có hai mặt bẩm sinh: một phần lãng mạn, một phần cổ điển. Lão và Khổng đáp ứng, thoả mãn hoàn toàn mọi tâm trạng con người. Dù sao, chủ nghĩa tự nhiên của Lão Tử là liều thuốc giảm đau cho những vết thương tinh thần của con người. Theo ông, nhân loại bắt đầu văn minh thì cũng bắt đầu thoái hoá, và lũ thánh hiền như Khổng Tử chỉ làm cho dân thêm "đồi trụy". Người kế thừa tư tưởng của ông là Trang Tử. Trang dùng bút pháp phóng thích rất giỏi để kích sự giả dối tầm phào của cuộc đời, sự vô dụng, sự vô dụng, và chủ trương xuất thế của ông mạnh mẽ hơn cả tiền bối.

Lão giáo có yếu tố duy vật thô sơ vì nó lý giải đầu mối vạn vật là Đạo chứ không phải bởi thần thánh siêu nhiên huyền bí.

Lão Tử cũng đã đi vào huyền thoại, Người Trung Hoa tin rằng ông đã tu thành tiên trở thành Thái Thượng Lão Quân coi sóc việc luyện lò linh đan lo việc trường sinh bất tử ở cõi trời.

Lão - Trang là học thuyết có ảnh hưởng khá lâu bền cho hậu thế, khi tỏ ra tích cực, lúc khác lại là tiêu cực. Điều này chúng ta thấy được khi nghiên cứu các nhà thơ, văn và văn chương của họ, đặc biệt trong thơ Đường, trong tiểu thuyết Hồng Lâu Mộng và thơ văn cổ điển Việt Nam. Tiểu thuyết Hồng Lâu Mộng là một sự rối bời của cả ba cảm hứng nhưng chủ đạo lại là Phật giáo. Triết lý Lão Tử rõ ràng triết đề hơn Khổng Tử nhưng thật khó vận dụng vào thực tiễn. Có lẽ Đạo lão mang tính chất hư vô, không tưởng nhưng con người vẫn cần đến đạo.⁽³⁾

. Trang Tử là bộ sách do Trang Chu và học trò soạn - còn gọi Nam hoa kinh. Gồm ba phần Nội thiên, Ngoại thiên và Tạp thiên. Tiếp nối Lão Tử. Nhà nghèo, bện giày kiếm sống, chối từ chức quan. Tư tưởng xuất thế, coi mọi thứ trên đời như nhau không gì hơn kém nhau. Tài đặt truyện ngụ ngôn, lí thuyết hoang đường xa xôi như giấc mộng hoá bướm - một kiểu chủ nghĩa hư vô. Văn ông vừa trữ tình vừa trí tuệ, giàu tưởng tượng.

2.3 Âm Dương gia : Trâu Diễn là người phát triển thuyết âm dương lên ngũ hành (có thể đã tiếp thu ngũ hành từ phương Nam dưới sông Dương Tử).

2.4 . Khổng Tử - Mạnh Tử và NHO HỌC

Đạo nho nguyên thủy chỉ đạt tới trong các nhà quyền quý và những người học thức, nên trong thời Xuân Thu, đại đa số dân chúng vẫn mê tín theo dị đoan huyền hoặc. Đến cuối đời Nhà Chu, thời Chiến quốc, nhà giáo Khổng Tử mới soạn sách lập thành một hệ thống lý thuyết, đi du thuyết khắp nơi qua nhiều nước, sau mở trường dạy học. Uy tín của Nho học lần lần lan rộng. Về sau các môn đệ của ông, đặc biệt là Mạnh Tử góp phần hoàn chỉnh cả hệ thống đạo Nho. Nhiều thế kỷ sau, trải qua các thời đại Hán, Đường, Tống, các nhà trí thức tiếp tục biên soạn, chú giải, phân tích trước tác của tiền bối. Người ta gọi Khổng Tử là Giáo Tổ.

Đức Khổng Tử.

Tên thật là Khâu , tự Trọng Ni, sinh ở nước Lỗ trong một gia đình quý tộc (bây giờ là làng Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông). Thân phụ là Thúc Lương Ngột , thân mẫu là Nhan Thị . Ông sinh vào tháng 10 năm 551 trước công nguyên, vào đời Chu Linh Vương (thời Đông Chu). Lên ba tuổi mồ côi cha . Lớn lên khoẻ mạnh , hoạt bát tính tình ôn hoà, hiếu học chăm làm . Mười chín tuổi lập gia đình, nhận một chức nhỏ ở nước Lỗ . Hai mươi ba tuổi li dị , sau đó không tục huyền nữa . Hai mươi hai tuổi bắt đầu dạy học tại nhà, phụ huynh muốn tặng lễ vật bao nhiêu tuỳ ý. Ông dạy ba môn chính : sử, thơ và chính trị học. Khoảng 30 tuổi, ông được vua Lỗ cấp kinh phí đến học tập nghiên cứu ở kinh đô nhà Chu, lại đến học hỏi Lão Tử , và học âm nhạc . Sau đó trở về nước Lỗ, mở trường dạy học, đọc sách và suy ngẫm.

Mấy năm sau, Nước Lỗ có chiến tranh , ông di cư sang Tề. Vua Tề mến tài, mời ông đến đàm luận, vừa định cất đất phong tước cho ông nhưng có người can ngăn lại thôi. Khổng Tử thấy vậy bỏ về Lỗ, tiếp tục dạy học.

Đến khoảng 51 tuổi , ông được vua Lỗ mời ra làm quan. Giữ nhiều chức vụ quan trọng, thực hiện nhiều cải cách lớn lao làm cho nước Lỗ cường thịnh.

Vua Tề đem nhiều lễ vật giá trị tốt tặng vua Lỗ khiến vua Lỗ ham thích , bỏ bê công việc. Khổng Tử bất mãn , bỏ sang nước Vệ gần một năm, vua Vệ không dùng, ông định sang nước Tần, nhưng khi đi ngang nước Khuông, bị dân chúng nhận lầm, kéo ra vây đánh. Sau khi giải làm, ông không đi nước Trần nữa mà quay về nước Vệ. Ít lâu sau, ông sang nước Tống, suýt bị giết, lại bỏ sang Tần. Ở đây ba năm, được vua Tần ưu đãi, nhưng vì nước này nhiều loạn lạc, ông lại trở sang nước Vệ.

Từ đó, ông qua lại các nước Thái, Diệp, Sở, Tần... nhưng không được vua nào trọng dụng. Chủ tâm của Khổng Tử ra đi bốn ba đây đó để tìm một người thi hành học thuyết của mình chứ không phải cầu danh cầu lợi. Kể từ chối rằng mình đã già rồi, không còn kịp thi hành đạo của ngài, người thì mê nữ sắc mà quên ngài. Ngài hằng tin tưởng mãnh liệt rằng "kẻ nào biết dùng ta, chỉ trong một năm đã khá, ba năm ắt hoàn thành". Chán nản, Khổng Tử trở về Lỗ. Trải qua 14 năm chu du thiên hạ, không tìm được một minh quân , tuổi đã già nên ngài chỉ chuyên dạy học trò và biên soạn lại sách cổ như các bộ Kinh thi, Kinh thư , Kinh dịch , Kinh lễ và bộ Sử Xuân thu. Học trò của ngài lên tới 3000, trong đó có 72 người tinh thông học thuật và thành đạt nổi danh thời Xuân thu, Chiến Quốc.

Khổng Tử mất năm 72 tuổi.

Đương thời, đạo Khổng không được thi hành, nhưng về sau có hàng trăm triệu người theo. Đền thờ Khổng phu tử ở tỉnh Sơn Đông ngàn năm lửa hừng không tắt. Đạo Khổng gây ảnh hưởng rộng rãi và lâu bền qua nhiều thời đại.

Học thuyết của Khổng Tử

xoay quanh 3 chủ đề lớn: Chính trị , luân lý và giáo dục.

Về chính trị:

Phương châm của Khổng Tử là đức trị chủ nghĩa, nghĩa là: bậc thánh nhân có Đức được dân qui phục thì làm vua, người quân tử có Đức được dân ngưỡng vọng thì làm quan. Còn thường dân, khi người trên có Đức thì người dưới noi theo "Đức quân tử như gốc, Đức tiểu nhân như cỏ, gió thổi thì cỏ rạp theo". Vua có ra vua thì bề tôi mới ra bề tôi. Nhưng nếu vua không ra vua, đại phu không ra đại phu thì phải đặt cho họ cái tên khác, tức là phải chính danh lại (thuyết chính danh) Ngài khẳng định "quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử". Ngài giải thích: xã hội loạn là vì ở nhân viên hành chính chứ không phải do chính thể (?) loạn vì đạo đức suy vi.

Ngài lại chủ trương "thiên ý - dân tâm", có nghĩa: trời hằng thương dân, dân muốn điều gì trời cũng cho. Muốn biết ý trời, hãy nghe ở lòng dân. Tư tưởng này gần với tư tưởng dân chủ, có tác dụng chống lại chế độ chuyên chế độc tài.

Về cai trị, toàn dân đều được đủ ăn đủ mặc, không có kẻ giàu, người nghèo thái quá. Kế đó đem lễ nhạc mà giáo hoá dân. Lễ đưa dân vào khuôn phép, nhạc để cảm hoá lòng người. Chừng nào dân không nghe, bắt đắc dĩ mới dùng đến hình pháp.

Đạo nho chỉ chú trọng vào việc cư xử và trị nước mà xa lánh phần siêu hình học và logic học, không cho môn sinh nghĩ tới những lý thuyết mơ hồ tối tăm. Đó là chủ trương "bất khả tri" (biết điều gì thì giữ đúng điều ấy, không biết nhận là không biết, như vậy thật là biết). Ông không tìm hiểu, giải thích về quỷ thần và sự chết nhưng khuyên học trò cứ kính trọng cúng lễ quỷ thần. Khổng Tử chỉ khuyên chúng ta tìm một sự đồng nhất nào đó giữa các hiện tượng và cố gắng hoà hợp và quân bình giữa đạo làm người và luật thiên nhiên - đó là đạo trời.

Tóm lại Khổng Tử nêu cao 3 tư tưởng chính trị: đại đồng, công bằng và dân là gốc.

Về đạo đức luân lý.

Khổng Tử dạy con người cốt phải giữ được NHÂN. Nhân gồm trong bốn mối: Hiếu với cha, mẹ, để với anh em; dung thứ với mọi người trong xã hội.

Chữ "nhân" là hàng đầu, kế đó mới đến nghĩa, lễ, trí, tín - gộp chung gọi là "ngũ thường". Lại có "tam cương" (quân - sư - phụ) ràng buộc ngũ thường. Đối với phụ nữ thì chữ nhân triển khai thành "tam tòng, tứ đức".

Học thuyết của Khổng Tử không cao siêu như Lão giáo và Phật giáo nhưng rất hợp với đạo người và tình đời. Ngày nay, làn sóng văn minh Âu-Mỹ tràn sang, ảnh hưởng của đạo Nho có bị sút kém nhưng vẫn được dân gian sùng bái duy trì. Giới nghiên cứu chứng minh rằng đạo Khổng đã chuyển hoá thành tính dân tộc Việt Nam theo qui luật "việt nam hoá". Nghĩa là, cha ông ta chỉ tiếp thu những lý thuyết phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam.

Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử:

Bao gồm mấy mặt sau:

- Dạy cho bất kỳ ai (hữu giáo vô loại), ai muốn học đều dạy, chỉ cần một thẻ nhang, một bó nem là ta thu nhận.
- Dạy không biết mệt, học không biết chán (giáo nhi bất quyên, học nhi bất yếm)." Nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân" : nhờ học tập mỗi ngày một mới.
- Phương pháp dạy học tốt phải là:
 - tùy đối tượng mà dạy
 - học phải hành (học và tập)
 - dạy là gợi mở trí suy đoán (nếu cho biết 3 góc mà người học không suy ra góc thứ tư thì ta không dạy)

Đạo người quân tử (Quy tắc hoàng kim)

Lời khuyên của Khổng Tử : xây dựng mẫu người lý tưởng (con người mới của thời đại)

" Muốn trở thành người quân tử, phải kính cẩn sửa mình hoài " (Luận ngữ)

- Bậc siêu nhân phải có đủ ba đức: Trí, Dũng và Nhân .
- Người quân tử không theo đạo nào, đảng nào nhưng quan tâm tới mọi đảng
- Người quân tử phải có tư cách, tư cách gồm văn vẻ và chất , hai yếu tố này phải quân bình, cốt lõi là thành thực .
- Trí của người quân tử phải sâu rộng nhưng không bỏ qua thực tế, ấy mới là sáng suốt .
- Người quân tử xử sự theo quy tắc hoàng kim " điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác".
- Lấy ân đức báo ân đức. Lấy chính trực mà đáp lại sự oán nghịch. Chữ thứ là quy tắc chung nhất.
- Phải lễ độ với mọi người, nhưng đừng khen ai quá lố , lễ độ dè dặt ngay với cả con trai mình .
- Không cầu cạnh người trên và không lấn át kẻ dưới .

Tóm lại người quân tử phải theo 9 điều chú ý :

1. Khi trông thì phải để ý cho thấy rõ.
2. Khi nghe phải lắng nghe cho rõ .
3. Sắc mặt giữ cho ôn hoà .
4. Tướng mạo phải khiêm nhường, cung kính.
5. Nói thì phải trung thực .
6. Làm việc thì phải nghiêm túc, đàng hoàng .
7. Có điều gì nghi hoặc thì phải hỏi người khác .
8. Khi giận thì phải nghĩ đến hậu quả tai hại có thể xảy ra .
9. Thấy mỗi lợi thì phải nhớ đến điều nghĩa .(Theo sách Luận Ngữ).

BỘ TỬ THƯ :

- Luận ngữ là cuốn sách quan trọng nhất của tứ thư do các môn đệ và cháu nội (Ngũ Tử Tư) soạn ra , ghi lại lời giảng , lời răn và những hành vi cử chỉ của Khổng Tử. Đây là cuốn sách đáng tin cậy để tìm hiểu hệ tư tưởng tập trung của Khổng Tử. Vừa bảo vệ trật tự đẳng cấp vừa chống sự hà lạm quan liêu ,nêu tấm gương thời Nghiêu Thuấn , nhân vật lí tưởng chính trị là Chu Văn Vương và Chu Công

(hai anh em) . Thể văn : lời nói và đối thoại ngắn gọn .

- Đại học và Trung dung

Nguyên là hai thiên trong sách Lễ Ký (Kinh Lễ) sau được Chu Hy đời Tống tách ra thành hai cuốn riêng.

Đại học bàn về mục đích và phương pháp của sự học hành (giáo dục học)
Trung dung là những lý lẽ dung hòa của đạo Nho với các học thuyết khác.

- Mạnh Tử thư (bài giảng của Mạnh Kha):

Mạnh Tử (372-289) là học trò của Ngũ Tử Tư (còn gọi là Khổng Cấp cháu nội của Khổng Tử) . Mạnh Tử chính tên là Mạnh Kha. Mạnh Tử có bà mẹ kiểu mẫu, là tấm gương và động lực giúp ông học tập và làm nên sự nghiệp.

Người ta gọi ông là bậc thầy của giới vua chúa . Ông là người lĩnh hội được đầy đủ kiến thức Khổng Tử, tiếp tục đề xướng tính thiện và nhân nghĩa. Ông yêu cầu rất cao ở bậc vua chúa quan chức .

Văn Mạnh Tử giàu chất hùng biện ,thật ra là tư biện , có kể hờ , khéo đưa ví dụ so sánh bằng hình ảnh dễ hiểu hấp dẫn , nhưng ngấm kĩ khó thay thế được lí lẽ . Mạnh nêu tư tưởng dân bản , nhân chính vẫn nhằm bảo vệ nguyên tắc giai cấp thống trị , tuy có lời cảnh cáo họ . Khí văn Mạnh Tử cứng cỏi , cao kì , không a dua xu nịnh , dám phê bình vua quan .

BỘ NGŨ KINH

Khổng Tử lưu lại 05 cuốn sách do ông viết ra hoặc san định , chú giải :

(ông nói : ta chỉ thuật nhi bất tác . Thực ra ông rất khiêm tốn nhún mình)

Kinh Lễ (Lễ Ký) : chép những lễ nghi thời nhà Chu thịnh vượng để bồi dưỡng tình cảm và giữ gìn trật tự, bình an xã hội . (Chú ý câu tục ngữ : Tiên học lễ , hậu học văn) .

Kinh Dịch : do Khổng Tử giải thích và chú giải .

Đây là tác phẩm siêu hình học khá kỳ dị và quan trọng , mở đầu cho lịch sử tư tưởng Trung Hoa . Theo truyền thuyết , sách do Chu Văn Vương ÔÂng vua sáng lập nhà Chu viết ra trong thời gian bị giam trong ngục nhà Trụ, dựa theo nguồn gốc có từ thời Phục Hy (thời nguyên thủy) đã đặt ra " bát quái " (tám quẻ để biểu thị các nguyên lý và nguyên tố thiên nhiên). Lão Tử cũng góp phần xây dựng Kinh Dịch . Mỗi quẻ (quái) lại chia làm 3 đường, đường liền là đường nguyên lý dương, đường đứt là đường nguyên lý âm . Như vậy có tám quẻ đơn, mỗi quẻ có 3 hào (đường) . Dương và âm thì trái ngược nhau: Trời - đất, sáng -

tối, nóng - lạnh, sống - chết, tích cực - tiêu cực,... Lại lấy mỗi quẻ đặt chồng lên nhau theo đủ mọi cách tạo ra 64 quẻ. Mỗi quẻ biểu thị một luật thiên nhiên. Tất cả khoa học, lịch sử và sự minh triết đều nằm gọn trong 64 quẻ đó. Rốt cuộc, tất cả vũ trụ chỉ là sự tương phản hoặc sự hoà hợp của hai yếu tố căn bản là dương và âm. Người Trung Hoa dùng Kinh Dịch làm sách bói toán và coi đây là bộ kinh quan trọng nhất.()

Kinh Thi: Là cuốn ca dao do ông tuyển chọn , phân loại và bình giải nhằm dạy thi pháp và luân lý đạo đức .(xem lại phần Kinh Thi)

Kinh Xuân thu: Do ông chép lại vắn tắt (có khi không thành câu) các biến cố quan trọng trong lịch sử nước Lỗ quê hương và nhà Chu cùng 12 nước chư hầu . Có thể ông đã dựa vào sổ ghi chép của các sử quan nước Lỗ , Kinh Xuân Thu được coi là cuốn sử đầu tiên nhưng đậm chất văn chương .Viết sách này , Khổng Tử chú trọng mục tiêu luân lí và chính trị hơn là lịch sử .

Kinh Thư (còn gọi là kinh thượng thư) : Ghi lại những biến cố và truyền thuyết về các đời vua nguyên thủy (thượng cổ) . Thời kỳ hoàng kim của các minh quân như Nghiêu, Thuần, Vũ đến Tây Chu .

2.5. Mặc Tử

Quê nước Tống , sống cùng thời với Khổng Tử , tên thật là Mặc Dịch . Bôn ba khắp nơi lo việc cải hóa thiên hạ . Quan điểm của ông : thiên hạ đối khổ loạn ly là do loài người không biết thương yêu nhau , đặc biệt bọn cai trị không thương dân mà chỉ thích chiến tranh . Ông chủ trương truyền bá thuyết bác ái / còn gọi kiêm ái (gần giống với thuyết của của Chúa Jesus) . Ông bác bỏ mệnh trời , tin rằng con người có sức mạnh làm được tất cả (phi mệnh) . Ông chỉ nêu tấm gương sáng của Nghiêu Thuần Vũ Thang , chống lại Lễ nhà Chu (trái với Khổng Tử) , danh hợp với thực chứ thực không cần hợp với danh (lại trái với Khổng Tử) . Học thuyết kiêm ái (mặt trái là biệt ái - vị kỷ) trước hết là quan niệm bình đẳng trong xã hội.

2.6.Tuân Tử và Pháp Gia:

Tuân Tử tên là Huống tự là Khanh (thế kỉ 4 tr. CN) vốn theo đạo Khổng nhưng có tinh thần khoa học , trái với Mạnh Tử . Ông cho rằng tính người vốn ác , được thiện là nhờ dạy dỗ , ông chủ trương dùng lễ nhạc để tiết chế tính dục .

Hàn Phi Tử học trò ông , phát triển tiếp : không thể chỉ dùng lễ nhạc mà phải dùng pháp hình luật để trừng phạt thì dân mới yên . Hàn Phi tử bảo rằng nhân nghĩa là vô dụng. Tần Thủy Hoàng rất thích tư tưởng của Hàn Phi (hoàng tử út nước Hàn) cố mời Hàn theo mình nhưng thất vọng) . Không mấy người ủng hộ quan điểm của Hàn , chỉ có một người áp dụng thành công trong việc thống nhất Trung Quốc - chấm dứt loạn lạc - ấy là Tần Doanh Chính . Một số người theo phái này gọi chung là Pháp Gia .

Đọc thêm: Giới thiệu văn học Tần Hán

(từ thế kỉ 3 tr. C.N đến tk3 sau C.N)

Nhà Tần

Tần Thủy Hoàng quyết định dùng một thứ chữ viết trong toàn quốc . Y khùng bố trí thức bằng chính sách " đốt sách chôn nho sĩ " . Đế quốc Tần bành trướng mạnh ra ngoài biên giới . Nhà Tần sớm bị lật đổ . Văn học không phát triển được .

Nhà Hán

tiến hành cải cách, bắt đầu xây dựng nền giáo dục Nho học, hình thành Nho giáo . Nhờ vậy nhà Hán mở đầu xây dựng thành công chế độ phong kiến .

Sử Truyện ra đời với mục đích chính là viết sử nhưng lại đạt hiệu quả văn chương hấp dẫn . Tiêu biểu là Tư Mã Thiên với bộ "Sử Kí " viết về toàn bộ ba nghìn năm sử Trung Hoa , qua Tần đến Hán Vũ đế - đương thời . Ngoài ra còn có các nhà viết sử truyện như Lưu Hư , Ban Cố (một cung phi) . Sử kí Tư Mã Thiên là mầm mống của tiểu thuyết giảng sử thời Minh sau này .

I- TƯ MÃ THIÊN - CUỘC ĐỜI NHÀ SỬ TRUYỆN LỖI LẠC :

Tư Mã Thiên (145 - 90 tr.CN) là nhà viết sử cũng là một nhà văn . Bộ Sử Ký của ông là một bộ thông sử lớn và một tác phẩm văn xuôi nổi tiếng . Cuộc đời và sáng tác của ông là tấm gương lớn cho hậu thế .

Tự là Tử Trường quê tỉnh Thiểm Tây , tổ tiên từng làm quan viết sử nhà Chu , cha là Tư Mã Đàm giữ chức thái sử lệnh đời Hán Vũ đế . Ông Đàm học rộng , có ý tưởng táo bạo , đã viết sách bàn về hệ tư tưởng của 6 trường phái (lục gia) là Âm dương , Nho , Mặc , Danh , Pháp, Đạo đức (Luận lục gia yếu chỉ) . Giữa lúc vua Hán đề cao Nho gia và gạt bỏ hết bách gia thì ông đề cao Đạo gia . Bình sinh ông muốn làm một nhà viết sử chân chính ghi chép đúng sự thật và đánh giá theo ý mình . Nhưng ông chưa làm được , đây là lời ông dặn con là Tư Mã Thiên trước khi qua đời : " Tổ tiên ta đời đời làm sử quan . Sau khi ta chết , thế nào con cũng nối nghiệp ta làm thái sử . Khi làm thái sử , chớ quên những điều ta muốn làm , muốn viết . . . Hiện nay bốn bề một nhà , vua sáng tôi hiền , ta làm một thái sử mà không viết được rất lấy làm xấu hổ . Con hãy nhớ lấy . . . " . Ngay từ khi Tư Mã Thiên còn nhỏ ông đã có ý bồi dưỡng cho con học cổ văn , đọc sách lịch sử như Tả truyện , Quốc ngữ và khi con 20 tuổi ông cho lên Trường An thủ đô nơi ông làm việc học với các bậc đại sư như Đồng Trọng Thư , Khổng An Quốc . Tư Mã Thiên còn đọc cả những tài liệu sách vở của vua giao cha ông bảo quản . Nhưng không bằng lòng với tài liệu có sẵn , ông tìm đến tận nơi xảy ra sự kiện khảo sát địa hình sông núi , tìm hiểu phong tục tập quán nhân tình các địa phương , thăm các di tích lịch sử hỏi chuyện ông bà già như là nhân chứng sống của lịch sử . Ông còn theo cha đi khắp nước . Nào là vượt Trường Giang đến sông Mịch La ở Hồ Nam viếng nơi Khuất Nguyên đã trầm mình , ngược dòng sông Tương đến Hà Nam có núi Cửu Nghi điều tra chuyện vua Thuấn tuần du và mất ở đó , lại theo sông đến núi Cối Kê (Chiết Giang) tìm hiểu việc trị thủy của vua Vũ . . . thăm quê hương Hàn Tín , quê Khổng Tử ở Sơn Đông , đến đất Bái (Giang Tô) nơi Hán - Sở tranh hùng cũng là quê hương Hán Cao tổ Lưu Bang ... Trở về Trường An ông được phong chức quan lang trung . Ba mươi tuổi lại được cử đi quan sát vùng tây nam Trung Quốc đến

Tứ Xuyên , Vân Nam . Vậy là chỉ còn trừ Quảng Đông Quảng Tây , nơi đâu cũng có dấu vết chân nhà viết sử Tư Mã Thiên . Ông tiếp xúc nhiều với mọi tầng lớp nhân dân và trưởng thành sau mỗi chuyến đi .

Năm 110 tr.CN , Tư Mã Đàm mất , ông được thế chức cha làm thái sử quan . Nhớ lời cha dặn " kế nghiệp Khổng Tử viết cuốn Xuân Thu thứ hai " , ông xem lại tài liệu chứa trong " nhà đá rương vàng " , chuẩn bị viết Sử Ký. Xảy ra " họa Lí Lăng " , Lí Lăng là viên tướng giỏi từng chiến thắng Hung Nô , trong một trận đánh vì lương cạn , không có tiếp viện nên thua trận bị giặc bắt phải đầu hàng. Hán Vũ đế đưa việc này ra xử . Tư Mã Thiên đứng cầm bệnh vực : " Lí Lăng là một bậc kì sĩ đáng kính phục , xin nhà vua minh xét " . Nhà vua nổi giận cho rằng Tư Mã Thiên bệnh vực Lí Lăng là có ý công kích Lí Quảng Lợi anh trai Lí Phu nhân vợ yêu của vua nên ghép ông vào tội lừa dối chúa thượng .

Ông bị hạ ngục , chịu cung hình - một hình phạt tàn ác - bị cắt bộ phận sinh dục. Đó là năm 99 tr.CN khi Tư Mã Thiên 47 tuổi . Ông bị khủng hoảng tinh thần muốn tìm cái chết . Trong bức thư gửi bạn Nhậm An ông viết " một ngày ruột vò chín khúc , ở trong nhà thần thờ như mất mát cái gì , đi ra ngoài không biết mình đi đâu , cứ mỗi khi nhớ đến điều nhục nhã đó không khỏi toát mồ hôi ướt đầm lưng áo " . Nhớ đến gương tiền nhân , Chu Văn Vương bị giam cầm vẫn viết Chu Dịch , Khổng Tử , Khuất Nguyên ... ông thấy cần phải sống để hoàn thành bộ Sử Ký như lời cha dặn lúc lâm chung . Ông cố gạt bỏ . Ông cố gạt bỏ ung sức lực , tâm huyết vào việc trước tác . Hết hạn tù , ông được giữ chức trung thư lệnh - một chức vụ hoạn quan , Tư Mã Thiên cố nhin nhục cho qua ngày , luồn cúi tùy thời giả bộ ngu dại để được một lòng viết cho xong bộ sách . Khoảng 5 năm sau , khi ông 53 tuổi thì bộ sách hoàn thành . Về sau đời ông ra sao , không có tài liệu ghi lại chính xác .

Nhà Tàn

Tần Thủy Hoàng quyết định dùng một thứ chữ viết trong toàn quốc . Y khứng bỏ trí thức bằng chính sách " đốt sách chôn nho sĩ " . Đế quốc Tần bành trướng mạnh ra ngoài biên giới . Nhà Tàn sớm bị lật đổ . Văn học không phát triển được .

Nhà Hán

tiến hành cải cách, bắt đầu xây dựng nền giáo dục Nho học, hình thành Nho giáo . Nhờ vậy nhà Hán mở đầu xây dựng thành công chế độ phong kiến .

Sử Truyện ra đời với mục đích chính là viết sử nhưng lại đạt hiệu quả văn chương hấp dẫn . Tiêu biểu là Tư Mã Thiên với bộ "Sử Kí " viết về toàn bộ ba nghìn năm sử Trung Hoa , qua Tần đến Hán Vũ đế - đương thời . Ngoài ra còn có các nhà viết sử truyện như Lưu Hương , Ban Cố (một cung phi) . Sử kí Tư Mã Thiên là mầm mống của tiểu thuyết giảng sử thời Minh sau này .

II- SỬ KÝ :

1 TRƯỚC HẾT ĐÓ LÀ MỘT CÔNG TRÌNH LỊCH SỬ :

Việc viết sử ở Trung Quốc có từ rất sớm , thời nhà Chu đã có sử quan . Công trình Thượng thư , Xuân thu , Tả truyện , Quốc ngữ , Chiến quốc sách chưa trình bày lịch sử Trung Quốc một cách hoàn chỉnh , hoặc chỉ chép một số sự việc cá biệt hoặc một số khu vực và thời đại .

Bộ Sử Ký của Tư Mã Thiên đã tổng kết ba ngàn năm lịch sử Trung Quốc từ Hoàng Đế truyền thuyết cho đến thời hiện tại tại Hán Vũ đế . Bộ sách miêu tả đời sống xã hội rộng rãi kinh tế chính trị văn hóa , các tầng lớp giai cấp từ công hầu khanh tướng học giả thầy bói , thích khách , hiệp sĩ giang hồ , con hát . . .

Sách gồm 130 thiên (cũng như chương , hồi) chia làm 5 loại :

- Bản kỷ : 12 thiên ghi các đời vua theo kiểu biên niên
- Biểu : 10 thiên chép mối quan hệ giữa các đế vương và chư hầu (đế , vương , hầu)
- Thư : 8 thiên chép các mặt kinh tế , văn hóa . . .
- Thế gia : 30 thiên chép sự hưng vong của các` chư hầu , vương quốc . . .
- Liệt truyện : 70 thiên chép chuyện các nhân vật nổi tiếng . Về sau thất lạc mất 10 thiên .

QUAN ĐIỂM LỊCH SỬ của Tư Mã Thiên rất tiến bộ . Ước vọng của ông là làm lại công việc của Khổng Tử - tức là viết cuốn Xuân Thu thứ hai hoàn chỉnh hơn , tốt hơn . Mặc dù chịu ảnh hưởng của Nho gia nhưng không chấp nhận sự hạn chế của họ . Những người khác giải thích lịch sử bằng thiên mệnh thần quyền thì ông nhấn mạnh vai trò tác dụng của con người , không chỉ là vương hầu khanh tướng mà là quần chúng nhân dân đã sáng tạo nên văn minh nhân loại . Ông đề cao những anh hùng lãnh tụ khởi nghĩa nông dân ngang hàng với vua Thang , Vũ , Khổng Tử . Hạng Võ ngang với Lưu Bang vì cùng có công đánh đổ nhà Tần tàn bạo (Hạng Võ còn được xếp vào phần Bản Kỷ cùng Tần Thủy Hoàng , Hán Cao tổ) . Rõ ràng ông không tuân theo quan điểm chính thống . Cách đây hơn hai ngàn năm Tư Mã Thiên đã có quan điểm lịch sử như thế là rất tiến bộ . Tinh thần trung thực lịch sử của ông thật đáng nêu gương kim cổ .

Cuối mỗi thiên ông còn có lời bình của mình . BÀI TỰA VIẾT LẤY của ông là chương tổng kết bộ sách . Ông tự xác định nhiệm vụ :

- Một là : nắm vững qui luật phát triển của xã hội
- Hai là : quan tâm đến nỗi thống khổ của nhân dân
- Ba là : vạch trần tội ác của giai cấp phong kiến
- Bốn là : ghi chép những nhân vật điển hình nổi bật
- Năm là : nêu lên những giá trị văn hóa của dân tộc
- Sáu là : nêu gương thành bại được mất cho mọi người soi chung .

Tất nhiên Bộ sách khó tránh khỏi những sai sót hạn chế . Nhưng Tư Mã Thiên đã chứng tỏ lòng dũng cảm như nhân vật của ông trong bộ sử : " Vua nước Tề bị Thôi Trữ giết chết , quan thái sử nước Tề chép vào sử " Trữ giết vua mình là Trang Công " . Trữ nổi giận giết quan thái sử . Em trai quan thái sử lên thay vẫn

viết như anh , lại bị Trữ giết . Người em thứ ba xin làm việc của hai anh , quyết tâm không thay đổi chữ nào " .

2 SỬ KÝ - BỘ TRUYỆN KÝ NHÂN VẬT LỊCH SỬ :

Một bộ truyện giàu tính nhân dân , tính hiện thực , nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình sinh động sâu sắc, hấp dẫn cho tới nghìn năm sau .

Miêu tả nhân vật thuộc giai cấp thống trị : điển hình là Tần Thủy Hoàng một tên hoàng đế độc tài chuyên chế vô cùng tàn bạo có một không hai trong lịch sử nhân loại . Tịch thu hết vũ khí trong thiên hạ đem về đúc chuông khánh, tượng nặng cả ngàn cân trang trí cho cung điện . Bao nhiêu sách Thi Thư gom về các quận đốt . Hơn 600 học giả bị chôn sống ở Hàm Dương. Vợ vét tài sản của dân , bắt hàng vạn người xây cung A Phòng , đào núi Lí Sơn làm nơi tắm mát và lấy đá xây lăng tẩm , bắt đưa hàng chục vạn người dân sang sống ở Việt Nam để đồng hóa dân tộc . Xây Vạn Lý trường thành hao tổn biết bao mạng người và của cải tiền bạc . . Y còn là tên vua hưởng lạc khó ai bì kịp , trong cung chứa hơn mười ngàn cung nữ . Sợ chết , y sai tìm chế thuốc trường sinh bất tử hại người hại của . . Mọi việc điều hành y tự mình quyết định , dùng giết người để thị uy . Là một tay giỏi võ nghệ , can trường khác người . Trong một chuyến đi ra khỏi cung , y chết khi đến tỉnh Hà Bắc , sống được năm chục tuổi .

Khi viết về Lã Hậu tàn bạo xảo quyệt - vợ của vua Hán Cao tổ (ông nội đương kim hoàng đế thời Tư Mã Thiên) mà ông cũng chẳng dè dặt khi hạ bút . Nhà học giả Vương Sung (27-98) đời Đông Hán kể lại : " Hán Vũ đế nghe nói Tư Mã Thiên chép sử , sai lấy hai thiên phần ghi về Hiếu Cảnh và Hiếu Võ (cha và anh của vua) xem xong nổi giận xé vứt đi , do thế mà tài liệu đó thất truyền " .

Viết về bọn quan tướng , Tư Mã Thiên lại càng lên án thẳng thắn , như viết về tướng Bạch Khởi nhà Tần giết cả 90 vạn lính ba nước Triệu Hàn Ngụy đến bước đường cùng phải cúi đầu nhận tội . Những tên văn quan cai trị khác cũng tàn bạo tham lam , coi pháp luật như trò chơi , chỉ biết theo ý vua hay ý riêng mình .

Nhìn chung giai cấp thống trị được tả như những kẻ xảo trá tàn ác xu nịnh đàn áp bóc lột dân là chuyện thường tình .

MIÊU TẢ THẬT HAY VỀ CÁC NHÂN VẬT CHÍNH DIỆN :

Như anh hùng Trần Thiệp , Ngô Quảng chống lại nhà Tần hung ác . Ông so sánh Trần - Ngô với chuyện vua Thành Thang phạt Kiệt , Vũ Vương phạt Trụ thời xưa . Sau Tư Mã Thiên , một nhà sử học Hán là Ban Cố tác giả Hán Thư tìm cách hạ thấp hai vị lãnh tụ đó (từ phần "thế gia " chuyển sang " liệt truyện " và gọi hai ông là giặc cỏ , phản tặc ?). Quan thái sử nhà Tấn là Đổng Hồ kiên quyết ghi Triệu Thuấn giết vua (chủ trì chịu trách nhiệm !) mặc dù cháu ông là Triệu Xuyên ra tay , nhân vật Trình Anh và Công Tôn Trừ Cứu trung thành hy sinh thân mình và con mình để giữ dòng máu họ Triệu .

- Nhân vật du hiệp , thích khách và những quan nhỏ chốn triều chính mà có nghĩa khí , cương trực đều được ca ngợi trong Sử Ký . Họ là những người trọng nghĩa khinh tài , trọng công bằng ghét áp bức , thậm chí chế

giấu cả thói xấu vua chúa . Người đồ tể giết lợn múa dao mà cũng dám giúp công tử Vô Kỵ nước Ngụy chống Tần (Vô Kỵ được phong Tín Lăng quân) . . . và rất nhiều vị đại hiệp khác được tả trong Liệt Truyện (Du hiệp / Thích khách / Hoạt kê liệt truyện) . . .

- Nhân vật Hạng Võ trong phần Hạng Võ bản kỉ là phần đặc biệt hấp dẫn . Bên cạnh đó nhiều nhân vật chân chính được miêu tả kĩ như : Bá Di , Thúc tề , Quán Trông , Aùn Anh , Khổng Tử , Khuất Nguyên , Liêm Pha , Lạn Tương Như , Lỗ Trọng Liên , Điền Đan , ín Lăng Quân , Hâu Doanh , Lí Quảng , Nhiếp Chính , Quách Giải , Trương Lương, Phàn Khoái , Phạm Tăng . . .

NGHỆ THUẬT DỰNG CHUYỆN của Tư Mã Thiên thật đặc sắc : chọn nhân vật điển hình , chọn chi tiết ít hay nhiều tùy theo sự cần thiết khắc họa tính cách nhân vật. Đặc biệt khi tả Lưu Bang Hán cao tổ (ông nội của vua đương triều Hán vũ đế) Tư Mã Thiên cũng tả rõ thời trẻ ngài thích rượu , hiếu sắc , có hành động lưu manh , hạ nhục nhà nho : lột mũ củamột ông quan đái vào . Vua Cao tổ đang ngồi ôm Thích phu nhân , Chu Xương vào thấy vội lui ra . Vua đuổi theo ngồi lên cổ Xương , hỏi " Ta là vị vua như thế nào ? " - Xương trả lời : " Bệ hạ là Kiệt Trụ " . Vua cười ha hả .

Dám viết như thế chẳng có ai như Tư Mã Thiên .

Nghệ thuật dẫn dắt câu chuyện : biết tạo hồi hộp , thắt mở đúng lúc .

Nhà Tần

Tần Thủy Hoàng quyết định dùng một thứ chữ viết trong toàn quốc . Y khùng bố trí thức bằng chính sách " đốt sách chôn nho sĩ " . Đế quốc Tần bành trướng mạnh ra ngoài biên giới . Nhà Tần sớm bị lật đổ . Văn học không phát triển được .

Nhà Hán

tiến hành cải cách, bắt đầu xây dựng nền giáo dục Nho học, hình thành Nho giáo . Nhờ vậy nhà Hán mở đầu xây dựng thành công chế độ phong kiến .

Sử Truyện ra đời với mục đích chính là viết sử nhưng lại đạt hiệu quả văn chương hấp dẫn . Tiêu biểu là Tư Mã Thiên với bộ "Sử Kí " viết về toàn bộ ba nghìn năm sử Trung Hoa , qua Tần đến Hán Vũ đế - đương thời . Ngoài ra còn có các nhà viết sử truyện như Lưu Hươg , Ban Cố (một cung phi) . Sử kí Tư Mã Thiên là mầm mống của tiểu thuyết giảng sử thời Minh sau này .

III- ẢNH HƯỞNG LỚN LAO CỦA SỬ KÝ ĐẾN CÁC ĐỜI SAU :

Ảnh hưởng về văn học:

Các nhà văn từ Đường Tống đếnÙ Minh Thanh đều lấy Sử Ký làm gương mẫu , học cái lời văn gọn gàng như tiếng nói hàng ngày , không cần cổ kính uyên bác

như thời Chiến quốc . Đó là lối văn ngôn ưa dùng khẩu ngữ , ca dao , ngôn ngữ dễ hiểu .

Cách khen chê của ông cũng gây ảnh hưởng đến người sau . Không bàn luận trực tiếp , ông chỉ kể việc , tự nó nói thay . Nhà viết sử phải dụng công lắm mới làm ra vẻ " khách quan lạnh lùng " để khỏi ai bắt lỗi kết tội . Người đọc ngẫm nghĩ sẽ thấy thái độ khen chê của ông sâu sắc thâm trầm ẩn kín ngay trong sự việc - và họ tự rút ra kết luận .

Những thiên truyện ký trong Sử Ký làm gương mẫu cho các nhà tiểu thuyết khi xây dựng nhân vật , sắp đặt tình tiết , đối thoại . Đông Chu Liệt quốc , Tây Hán thông tục diễn nghĩa đều lấy ngay truyện trong Sử Ký mà viết lại . " Trăm đời về sau các nhà viết sử không thể thay đổi được phương pháp của ông , các học giả không thể rời sách của ông"- một học giả Trung Quốc nhận định như vậy . Câu nói đó tổng kết ảnh hưởng sâu xa của Tư Mã Thiên với nền văn học và sử học đời sau .

Đối với văn học Việt nam , trong Vũ Trung tùy bút của Phạm Đình Hổ , Tang thương ngẫu lục của Nguyễn Aùn và Phạm Đình Hổ , nhất là trong Hoàng Lê nhất thống chí của Ngô Gia văn phái , Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú đều có cách viết giống các thiên truyện kí của Tư Mã Thiên . Đặc biệt giống là những chi tiết tình tiết khách quan không có lợi cho vua chúa đương thời nhưng các học giả Việt Nam vẫn viết . Đọc Hoàng Lê nhất thống chí cảm thấy hấp dẫn sinh động chẳng kém Sử Ký Tư Mã Thiên .

CÂU HỎI

1. Tìm hiểu những nhân tố tạo nên tài năng và tư tưởng tiến bộ của Tư Mã Thiên .
2. Phân tích một trong ba truyện Khuất Nguyên , Kinh Kha và đoạn Bữa tiệc Hồng Môn (trong phần Hạng Võ bản kỉ) .

NHÀ THƠ ĐÀO TIỀM

Phú là thể loại thành công : thể văn học quý tộc , trọng hình thức , mô tả phô bày những vẻ đẹp thiên nhiên , công trình nhân tạo và danh nhân nổi tiếng (như Phú điệu Khuất Nguyên của Giả Nghi) . Những nhà viết phú nổi tiếng như Tư Mã Tương Như , Dương Hùng , Tống Ngọc .

Thơ và từ : Đào Tiềm (Đào Uyên Minh) 365- 427 , sống thời cuối Tấn đầu Tống , (không phải Bắc Tống - Nam Tống sau này) . Lúc đó , Nam triều gồm 5 nước : Ngô , Tống , Tề , Lương , Trần và Bắc triều (Đông Tấn) gọi chung là Lục Triều . Đào Tiềm viết cả thơ và phú , hoài bão lớn , sau bỏ quan về ở ẩn để phản đối chế độ phong kiến nhà Tống đã đến hồi mục nát . Ông không thèm tiếp một viên quan cấp trên kém tư cách nên làm bài thơ Quy khứ lai từ rồi bỏ về quê để giữ khí tiết . Về núi , cày cấy , làm thơ , phú , từ và uống rượu . Thơ ca - giả từ Nho giáo , lãng mạn phong phú với cảm hứng Lão Trang , tình yêu nam nữ . . . Ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều nhà thơ lớn thời Đường Tống như Lí -

Đỗ- Bạch , Tô Thức và các nhà thơ Việt Nam như Nguyễn Trãi , Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Công Trứ , Cao Bá Quát , Nguyễn Khuyến (nhân hứng cũng vừa toan cất bút , nghĩ ra lại thẹn với ông Đào) . Hai bài thơ quen thuộc của Đào Tiềm là Quy khứ lai từ và Đào hoa nguyên kí . h

QUY KHỨ LAI TỪ

Về đi thôi , ruộng vườn sắp trở thành hoang vu

Cớ sao chưa về ?

Đã để tâm hồn cho thể xác sai khiến

sao còn ảo não , buồn khổ mà làm chi ? !

Ta hiểu rồi , việc đã qua không thể sửa chữa được

Nhưng việc sau này còn có thể đổi thay

Bởi ta chưa đi sâu vào con đường lầm lạc

Ta thấy rõ hôm nay ta đứng

Ngày hôm qua ta sai

Thuyền nhẹ lướt đi , gió mát thổi bay tà áo

Hỏi thăm khách qua đường con đường phía trước

Giận thay mặt trời sớm mai mờ mờ không rõ .

Gởi tấm thân trên cõi đời này hỏi còn được bao lâu ,

Sao còn nghĩ đến chuyện thể tục làm chi !

Cứ mặc nó trôi qua

Còn hoảng hốt muốn đi đâu nữa ?

Giàu sang vốn không phải sở nguyện của ta

Cảnh tiên ta chẳng cách gì đi tới

Nay gặp thời tiết đẹp

một mình ta dạo chơi

Cầm gậy bới cỏ hoang

Tới bờ ruộng ta ngâm nga

Lội dòng suối ta làm thơ

Mặc vạn vật biến hóa đến tận cùng

Vui đạo trời, biết mệnh người

Còn có điều chi nghi hoặc nữa !